

16°
Indoch
529

05707 LEGAL
SINGAPORE
No 28798
J

TRẦN TIÊU

—
SAU
LŨY
TRE



ĐỢT NAY

549

SAU LŨY TRE

TRẦN TIÊU

@TIEULUN 2024

MỤC LỤC

LANG THANG	5
BỌN TÌM VÀNG	45
MA !	79

LANG THANG

(Lời «Lang Sáu»)

Ông đã đến thăm chú quản Tiêm chưa ?

- Chú ấy có việc gì thế, hờ bác lý ?

- Ô hay ! Ông không biết à ? Chú ấy mắc bệnh, hình như thương hàn thì phải. Đã bốn năm hôm nay, bí cả đại tiểu tiện. Nguy kịch lắm. Chỗ họ đương, ông nên đến thăm chú ấy một tí.

- Lạ nhỉ mới hôm mồng một, tôi còn gặp chú ấy ra đình lễ thánh. Tội nghiệp ! Nếu thế thì tôi phải đi ngay mới được.

Quản Tiêm với tôi có họ. Họ hàng ngành ngọn ra sao, chính tôi cũng không rõ. Chỉ biết : quản Tiêm thuộc về ngành dưới và xa lằng lắt. Vì thế ông ta phải gọi tôi bằng bác tuy ông đã ngoài sáu mươi, gần gấp hai tuổi tôi.

Họ xa, nhưng mỗi lần gặp nhau, hỏi han ; « Chú quản đi đâu đấy ? Họ ta năm nay đến lượt chú giữ thủ bạ đấy nhỉ ?

- Thừa bác vâng, năm nay đến lượt em. » nghe nó cũng có vẻ thân thân. Tôi đến đã thấy năm ông ngồi bàn phiếm. Hai ông lang với ba ông, tài cán cũng tiêm tiêm

gọi là lang được : lý Thọ, khóa Chữ và tổng Cảnh.

Các ông đứng dậy chào. Lang Sung vuốt bộ ria mép cụp xuống và nhón như hai chiếc dùi cong, nói giọng bông bông đùa, hơi có ý mỉa : « Kìa cụ Sáu ! Cụ lang Sáu tham bác đông tây. »

Tôi bông đùa theo : lần nam bắc cho đủ tứ phương. »

Lý Thọ cười, nói cợt nhả : « Ngài cứ tiêm cho ông quản tôi một phát, tức khắc khỏi liền. »

Khóa Chữ vốn tính nghiêm nghị, đạo mạo, trách : «Thôi, xin các ông đừng nói đùa. Trong lúc bệnh nhân đương nguy kịch, ta phải tĩnh tâm mà nghĩ phương cấp cứu. »

Tôi trở lại nghiêm nghị, hỏi sẽ : Bệnh nặng lắm à, các ông » ?

Khóa Chữ lắc đầu, bĩu môi : « Nặng. Không khéo bị thương hàn nhập lý. Nghe tiếng nói đã ngòeng ngọng. »

Thấy vắng lang Tại, một ông lang có môn gia truyền về bệnh thương hàn, tôi hỏi. « Ông lang Tại đâu, không thấy đến ?

Khóa Chữ đưa cằm về phía buồng, nói sẽ : « Đương bắt mạch. «

Vừa lúc lang Tại ở trong buồng bước ra với cặp kính cận thị và bộ râu chổi sể, đôm đốm bạc. Không đợi ai hỏi, ông đã kể ; Bệnh tình nguy kịch lắm, nhưng may ra còn có cơ cứu được. »

Khóa Thường, tức lang Thường nói : « Bệnh ấy thì đánh chết cũng phải hạ. »

Lang Tại tùm tùm cười : « Ý chừng các cụ cũng đã hạ, nhưng mà vô hiệu chứ gì ! »

Lý Thọ nhìn hai ông lang, nói kháy : « Vâng, có thể, hai ông lang tôi đã hạ, nhưng bệnh nhân càng uống, cái bụng càng phình chướng mãi lên, » Nói rồi ông cười ha hả.

Lang Tại chề môi dưới ra, lắc đầu : « Bụng rắn, rắn lắm. Mồ hôi toát ra nhiều. »

Lang Sung tức, nhưng để bụng. Lang Thường không giữ nổi, buột miệng hỏi : « Thừa cụ, nhà cháu xin hỏi, cụ sẽ thi thố bằng cách nào ? Hay lại cũng đến hạ như chúng cháu ? »

Lang Tại điềm nhiên trả lời : « Vâng tôi cũng hạ. Nhưng mỗi người hạ một cách. Bệnh có trăm chứng thì thuốc cũng phải có trăm phương, phải không các ông? »

Yên lặng. Thấy nét mặt hai ông khó khăn, tôi cất giọng nói để phá tan cái không khí bất hòa : « Bệnh thương hàn cũng là bệnh truyền nhiễm đấy, các ông ạ. Bệnh ấy truyền từ người nọ sang người kia do thức ăn, đồ dùng...»

Tổng Cảnh ngồi xếp bằng, rung đùi tự đắc, bẻ lại : « Tôi bảo, trừ bệnh ghẻ ra, chẳng có bệnh gì lây. Phải, chẳng bệnh gì lây cả. Cho đến bệnh đau mắt bệnh lở cũng do hỏa bốc hay khí huyết mà ra. »

« - Thế còn dịch tả, phong, lao ? » Tôi hỏi, và chắc chắn tổng Cảnh vẫn ngồi thưỡn ra, cứng lưỡi.

Nhưng mà không. Ông ta vênh râu lên, cãi liền : « Tôi đã bảo chẳng gì lây cả mà lại. Bệnh dịch là do quan Ôn bắt bớ. Bệnh phong, bệnh lao là do đất cát, mồ mả và trùng...

Tôi đắc chí ngắt lời : « Vâng, trùng, vi trùng,.. »

Tổng Cảnh không để tôi nói nốt, ngắt lại : « Tôi nói trùng là thần trùng thứ trùng Hàn Tín từ bên Tàu sang ta. Rồi như khinh miệt hắt tôi, coi tôi như một anh vô học hay học tây, không thể hiểu được những tài uyên bác, những phép huyền bí của các bậc thánh thời cổ, ông quay sang nói chuyện với các ông kia : « Này, các ông ạ, trùng lao bao giờ cũng có con : con đực và con

cái, kết thành vợ chồng, lâu ngày thành tình, tài thánh cũng không trị nổi. Ngày xưa, các cụ truyền lại, có một nhà sáu bảy đời lao, đời thứ tám thì xảy ra chuyện rất lạ. Người mắc bệnh lao gấp ngoái sắp chết. Người nhà tiếc rẻ cái chăn chiếu đắp trên mình bệnh nhân, còn lành, lột đem ra sân, vắt lên sào phơi. Họ hàng sợ, bỏ trốn biệt để mặc bệnh nhân nằm trơ với thân lao. Bệnh nhân đã gần kiệt sức, cố nghiêng mình quay ra sân và nhìn thấy hai vợ chồng con trùng nhỏ... như đôi chuột nhắt đương đú đờn trên chăn... Bỗng một người hành khát ở cổng bước vào, nhìn ngang nhìn ngửa không thấy ai, bèn đi lại lột lấy cái chăn, khoác vào mình lủi ra. Bệnh nhân thương hại định nói cho người kia biết, nhưng không sao nói được lên tiếng. Từ đấy bệnh nhân tỉnh dần, rồi hôm sau tỉnh hẳn và ăn uống như thường. »

Tôi không thể nín cười, định nói cho họ biết rằng câu chuyện ấy chỉ là chuyện hoang đường, thì khóa Chữ tiếp luôn : « Thế là nhà người ta đại phúc nên giờ mới xui khiến người ăn mày đến để hứng lấy cái họa đem đi, chứ không thì nhất là tránh sang Tàu, sang Tây cũng không sao thoát được với chúng nó. Thì ngay nhà xã Kếu chứ đâu xa, xã Kếu ở đầu xóm lũy, cạnh nhà khán Thốn ấy mà. Ông bố lao sắp chết. Anh con trốn, định đi biệt tăm. Lúc sang phà, bỗng một hành khách kêu lên : « Cô ông kia có hai con mối ! » Anh ta giật mình quay cổ lại thì hai vợ chồng con trùng đã biến mất. Từ đấy

bắt đầu thủng thủng ho. Đến bây giờ thì ho nặng lắm rồi. Bệnh chẳng khỏi truyền sang con, sang cháu, nếu đại phúc chưa tới. »

Tiếp đến lang Tại lên tiếng : « Câu chuyện các ông kể chẳng biết có thực không, nhưng mà... Ông với cái điều, kéo vào gần, thông, hút một hơi dài.

Trong khi ấy, khóa Chử cãi : « Thì xã Kếu đương sống sờ sờ kia, cụ còn bảo câu chuyện còn chẳng thực. »

Và tôi nghĩ thầm : « Ừ có thể chứ ! Không nhẽ nhà lang cũng tin nhảm như họ. Mình chẳng rồi hơi bắt bẻ đã có các nhà lang. »

Lang Tại thở xong khỏi thuốc, gù lưng xuống, ho sù sụ. Một lúc mới nói tiếp : « Nhưng mà tôi đã xem cụ Biền-Thước chữa bệnh lao. Cụ chữa tài tình lắm, các ông ạ. Chỉ bốn năm tháng là bệnh nhân khắc ngay ra một đồng đờm trong có hai con trùng giống như hai con thạch-sùng, day không tan, chặt không đứt.»

Một ông bình phẩm : « Thánh thật ! Cánh mình thì cứ việc bó tay chịu thoái. »

Từ đầu, lang Sung vẫn ngồi điềm nhiên nhìn ra sân, một tay đưa lên vân vê bộ ria mép, mồm luôn luôn mỉm cười như chế nhạo cả bọn.

Tôi ngấm nghĩa điệu bộ ông, nhưng vì đã thất vọng luôn mấy lần về sự hiểu biết quá rộng của các ông kia, tôi dậm ra ngờ vực.

Lang Tại kể tiếp : « Nhưng dẫu tài thánh như tài cụ Biển-thước mà nhà chủ vô phúc thì cũng đến bó tay chịu thoái như cánh mình. Lão xin kể các ông nghe... Đây, có ai đây không ? Cho coi giàu nữa chứ ! »

Tiếp liền sau tiếng già, một thằng bé bụng đĩa giàu ở trong buồng đối diện với buồng bệnh nhân, bước ra, hai tay cung kính đặt vào giữa phản.

« - Mời các ông xơi giàu. » Lang Tại vừa mời vừa lấy một miếng. Tức thì ba bàn tay đều thò ra một loạt. Trong đĩa giàu còn trơ trọi một miếng về phần tôi.

Hình như miếng giàu làm cho câu chuyện thêm mặn mà, có duyên nên các ông có vẻ chăm chú nghe. Lang Tại kể tiếp :

« Một nhà kia giàu có lắm, của cải không để đâu hết. Cụ Biển ta mà chữa khỏi thì tha hồ, muốn gì được nấy. Cụ cầm mạch bệnh nhân, rồi gặt gù, lằm bằm một mình: « Hừ ! Chúng mày thoát sao khỏi tay ông ! » Không đợi ngồi lại ăn giàu, uống nước, cụ về bốc thuốc, đưa cho môn sinh đem đến nhà chủ, dặn phải sắc uống liền. Sáng sớm hôm sau, cụ đến, chắc lắm thế nào bệnh

nhân cũng khỏi, và hai vợ chồng con trùng đã nằm chết dí trong khối đờm. Chưa bước qua ngưỡng cửa, cụ đã hỏi : « Thế nào, bà chủ, chúng nó bằng ngần nào ? » Cụ ngạc nhiên, thấy nét mặt bà chủ buồn rầu, và giọng nói đầy nước mắt : « Bẩm lay cụ, nhà cháu uống xong chén thuốc, càng thêm ho già, bệnh càng tăng bội. » Cụ đứng thừ ra một lúc, lắc đầu thở dài : « Quái thật ! Rõ ràng tôi thấy chúng nó nằm trong lá gan... Hà ! Được rồi ! Để chúng nó đấy. Tôi đã có cách. » Nghe giọng quả quyết của cụ, nét mặt bà chủ tươi hẳn lên. Bà xoa hai bàn tay vào nhau, van lơn : « Lay cụ, cụ đã cứu sống hàng vạn người. Xin cụ hết lòng cứu nhà cháu. Sau này chúng cháu không dám quên ơn. » Cụ không để tai đến những lời van lơn, rón rén đi lại chỗ bệnh nhân cầm mạch. Cụ tùm tùm cười, lẳng lẳng đi ra, lấy giấy bút biên đơn cho người nhà đi lấy thuốc. Cụ ngồi đợi đến khi thuốc sắc xong, đem đến tận tay bệnh nhân. Cụ cầm mạch lại và hết đổi kinh ngạc. « Chúng nó « đã rủ nhau từ lá phổi bên phải lén xuống quả tim rồi. Cụ bức tức, đứng dậy, ra phòng ngoài gọi bà chủ đến bảo : « Tôi nói bà đừng giận, nhà bà có kém hồng phúc.

Bà nên làm ân, tìm phúc cho nhiều và ngày đêm cầu giori khấn phạt thì họa chẳng con cái bà mới thoát khỏi. Chứ hai vợ chồng con trùng này tinh khôn, quỷ quyết lắm. Tôi nghĩ gì chúng nó đều biết cả. Ông nhà bà đã đến ngày tận số. Bà lo liệu trước đi thì vừa. » Nói đoạn,

cụ đứng dậy đi liền, để mặc bà chủ nằm lăn ra khóc bù lu bù loa và kêu van, cầu cứu. Xem thế mới biết câu : “ Phúc chủ lộc thầy » là đúng, các ông ạ.

Bỗng lang Sung kéo mạnh một bên ria ra đằng trước, rũ xuống cười the thé. Tôi ngồi, lấy làm ngượng cho các ông kia, chắc thế nào ông ta cũng chế nhạo cho các ông một mẻ nên thân.

Cười chán rồi, ông lên giọng thông thả, rõ ràng như giảng sách : « Thừa cụ, nhờ giới nhà cháu cũng được xem kỹ các sách của các cụ Lãn Ông, Phùng-Thị và Biễn-Thước. Nhà cháu cũng đã được xem đoạn cụ Biễn-Thước chữa bệnh lao... Thừa cụ, có phải bệnh nhân là ông Trần-văn-Công không ạ ? »

Lang Tại không bằng lòng trả lời : « Phải, ông Trần-văn-Công, ông nhớ sách thật. Nhưng mà Trần-văn-Công hay ông nào đi nữa thì cũng là một bệnh nhân. Miễn câu chuyện tôi kể đúng là được. »

Lang Sung tủm tỉm cười, tay vẫn mân mê một bên ria :

« Nhưng mà, xin lỗi các cụ, (lang Sung đằng hắng để lấy giọng, mọi người yên lặng, dăm dăm nhìn diển giả) có lẽ câu chuyện của ông tổng, ông khóa đã làm cụ quên bằng đi mất cái hình hài của những con trùng

lao. Vậy nhà cháu xin thưa : nó giống như hệt con dán đất, phải, con dán đất, và con nào to lắm mới bằng con dán. (Tôi thất vọng, thở dài) Cụ lại quên rằng : khi hai vợ chồng con trùng giống hệt con dán đất ấy nằm dí trong vũng đờm, thì chúng nó chỉ say lử vì sức mạnh của thuốc, chứ kỳ thực chúng nó vẫn sống như thường. Vì thế nên cụ Biển còn phải đồ thêm một liều thuốc rất mạnh xuống vũng đờm làm tiêu tán chúng nó đi. Nếu không, chúng nó tỉnh lại, sẽ biến vào trong người bệnh nhân như câu chuyện ông khóa Chử vừa kể. Và bệnh tình của bệnh nhân lại hoàn nguyên như cũ.

Lang Tại chịu nhận mình quên, không nói đến liều thuốc nhưng nhất định bảo là giống con thạch-sùng. Cố nhiên tổng Cảnh và khóa Chử về bè với lang Tại. Lý Thọ nhìn tôi cười. Tôi cũng tủm tỉm cười đáp lại. Lang Sung thở dài, phàn nàn : « Tiếc rằng bộ sách ấy đã thất lạc... Thôi được, giống con dán hay con thạch sùng hay con chuột nhắt, cái đó cũng chẳng hề gì. Nhưng mà từ nãy, cụ với các ông chỉ nói về lao truyền, lao nói mà không hề đề động đến lao tâm, lao lực. Hai thứ lao ấy không phải ở mồ mả, đất cát, cũng không phải ở trùng mà chính ở khí huyết sinh ra...»

Lang Thường ngắt lời : « Hai thứ lao ấy, phàm ông thầy nào đi bốc thuốc, chữa bệnh mà chả phải biết, cần gì phải bàn đến. »

« - Thì tôi cũng bảo là các ông quên chứ có dám bảo là các ông không biết đâu. » Rồi như muốn làm lành với cả bọn, lang Sung tiếp luôn : « Các ông có thấy không ? Động ho là độc tở đồ tại phổi bị vi trùng đục khoét. Rồi cứ nhà phổi chữa mãi. Kỳ thực căn nguyên nó có ở đây đâu. Thừa nó ở gan, ở thận ạ. Bỏ gan bỏ thận tức bỏ phổi, tức đờm sẽ hạ và ho mỗi ngày một bớt dần. Có khi chỉ vi âm hư, huyết ráo, hàn nhiệt bất điều. Nhưng mà độc-tở họ biết âm dương, hàn, nhiệt là cái quý gì mà chữa với chạy. Họ cứ thấy đau đâu chữa đấy. Có bao giờ họ chịu tìm đến căn nguyên. Cơ thể người ta khác nào một nước, có quần thần tá sứ hăn hoi. Muốn trị yên phải trị từ trong trị ra, từ đầu trị xuống. Trị từ ngoài vào thì biết bao giờ cho tiết nọc, nhất là bệnh lao. Chả thế mà có hai anh mắc bệnh lao, vào nhà thương. Xem xét thể quái nào mà độc-tở dám bảo : hai lá phổi bị trùng ăn đã lữa, không sao cứu được, chỉ còn một cách về mà đợi chết. Bất đắc dĩ hai anh phải cầu cứu đến tôi. Anh trước đến, tôi cầm mạch, thấy chân âm ráo, gân kiệt. Tôi liền cho uống bổ âm ích khí. Trong vòng có ba tháng, các ông ạ, bệnh mười phần bớt tám chín. Rồi sau cứ lục vị với cao ba-long tẩm bổ, đến nay béo tốt chả làm sao cả.»

Ông đắc chí, đưa hai tay lên vê đi vê lại bộ ria mép. Đợi chẳng thấy ai khen, ông kể tiếp, giọng hơi nhặt nhẹo : « Anh sau tôi chuyên bổ gan bổ tì mà rồi cũng

khỏi. Xem thế đủ biết độc-tờ tây họ chỉ giỏi về khoa mổ sẻ và các bệnh ngoài da. Chứ về nội thương thì nghe chừng các ngài còn gà mờ lắm. »

Lý Thọ không ưa tính khoác lác của lang Sung, nói trắng trợn : « Thôi, tôi xin ông. Mình không biết đến nơi đến chốn thì chớ vội khinh miệt người ta. Tôi thì tôi cho họ chữa nhiều bệnh thần tình lắm. Như bệnh chó dại chẳng hạn. Họ tiêm mười người khỏi chín rưỡi. Bệnh đậu mùa... »

Lang Sung tưởng vớ dịp tốt, vội cãi : « Đậu mùa ! Ông bảo đậu mùa mà họ chữa được ư ? Họ chỉ giồng đậu vào người thì có. Chứ một khi đậu đã phát ra mà cầu cứu đến họ thì chỉ việc nghèo. «

Lý Thọ chẳng vừa, cãi lại :

- Ông đã được xem họ chữa đậu mùa đâu mà dám bảo là nghèo.

- Chả phải xem tôi cũng thừa biết.

- Biết thế quái nào được.

Câu chuyện thuốc men sắp thành một cuộc đấu khẩu thì may có thím quản ra giục lang Tại về cắt thuốc. Tôi cũng đứng dậy, vào thăm bệnh nhân, rồi cáo từ. Các ông kia, ý chừng thấy câu chuyện xoay ra kịch liệt,

cũng đứng dậy về theo.

Đáng tiếc ! Giả lý Thọ không phá ngang thì, biết đâu, còn bệnh phong, bệnh dịch, thế nào rồi mỗi bệnh, các ông chả có một câu chuyện ly kỳ như truyện trùng lao.

Chiều hôm sau, tôi giờ lại thăm quán Tiềm để xem cái môn thuốc gia truyền của ông lang Tại hiệu nghiệm tới bậc nào ?

Vào trong nhà đã thấy thím quán đương sụt sịt khóc mếu, trông bộ rất thiếu nảo.

- Bệnh tình chú quán ra sao ? Đã bớt chưa thím ?

Thím quán lắc đầu, thở dài :

- Xem chừng bệnh lại nặng ra, bác ạ. Bụng vẫn chướng, vẫn rắn. Mồ hôi thoát ra càng nhiều. Bác có cách gì chữa cho, chứ không thì đến nguy mất.. Nghe đâu bác cũng đã chữa được nhiều người khỏi. Vậy trong chỗ họ đương, bác lại không..

- Đây là những bệnh sốt rét, cảm kiết xoàng, chứ bệnh của chú ấy thì tôi chữa thế nào được.

- Bác cố nghĩ xem, may ra còn có phương gì khác chăng ?

Trông thím ta đáng thương quá. Nhưng mình còn biết

thuốc men gì mà chữa với chạy.

Chẳng qua có một vài vị thuốc tây, thuốc tàu như «ký ninh», «can min», «nhị căn cơ tán», «phát lãnh», thuốc đau mắt thuốc đau bụng, thuốc ho cùng một vài vị mua trữ để phòng những lúc cần đến. Thỉnh thoảng một vài anh nông phu hay một vài chị buôn thúng bán mẹt, nghèo khó, không có tiền thuốc thang thì mình chữa giúp. Đối với sức lực những hạng lao động ấy, có khi chỉ một viên, một liều thuốc cũng đủ làm cho họ khỏi bệnh. Có khi chỉ dùng mẹo, cho họ uống một bát nước vối nóng rồi dặn họ kiêng cơm, dùng nước cháo trong một vài ngày cũng khỏi.

Tôi vắt hai tay ra sau lưng, cúi đầu, đi đi lại lại suy nghĩ. Còn thím quản vẫn sụt sịt khóc, chốc chốc lại khăn khăn :

« Trong chỗ họ đương, xa cũng như gần, bác làm phúc cứu nhà cháu »

Tôi chợt nhớ, năm nào tôi bị táo tới bốn năm ngày. Con sốt đã lên tới gần bốn mươi độ. Bệnh rất nguy kịch phải mời ông đốc-tờ ở N. G, về chữa. Vừa nghe tôi kể bệnh xong, ông đốc cười, nói khôi hài, vì tôi với ông quen biết nhau đã lâu :

- Thế thì chẳng khó gì. Xin phu nhân cứ thụt cho lang

quân vài bận là lang quân khỏi liền.

Tôi dừng bước, bàn với thím quản : « Này thím ạ. Hay là để tôi thụt cho chú ấy. Đại tiện thông được thì tôi chắc cái bụng chú ấy sẽ giẹp xuống và cơn nóng cùng các chứng khác tất giảm đi nhiều. »

Nét mặt thím quản đương ửng rộ bỗng tươi sáng như người vừa rửa mặt xong. Thím khấn khoản : « Thôi thì thụt thiếc thế nào trăm sự nhờ bác. Nhưng liệu thứ thuốc ấy có công phạt lắm không ?

Tôi tùm tùm cười : « Thụt chứ thuốc men gì đâu mà công phạt. »

- Liệu có khỏi được không, bác ?

Cặp mắt ươn ướt của thím dăm dăm nhìn tôi như đương đợi một tia hy vọng. Tôi nói liều : « Khỏi chứ làm gì chả khỏi. (Mỗi tiếng khỏi là một liều thuốc mát rợi giới vào tâm thím ta). Thím sai cháu nó lại đằng nhà tôi mượn cái «bốc»,

- Cái gì chứ cốc thì nhà cháu cũng có bốn chiếc. Cữ thầy cháu vào lão...

- Không, không, (tôi tùm tùm cười) cái « bốc », cái bốc để thụt kia.

- Cái « bốc » để thụt ?

- Phải.

- Thế thì bác về lấy hộ chứ cháu nó biết đằng nào mà rờ ?

- Được cứ để cháu nó vừa đi vừa chạy cho chóng. Tôi đi cũng vậy thôi mà lại có phần chậm thêm ra. (Thực thì tôi không muốn về, sợ nhà tôi giữ lại, vì nhà tôi vẫn ác cảm với cái tài chữa bệnh của tôi.) Giá được thím đi thì tốt hơn; nhà tôi thế nào cũng nể. Vả lại tôi còn cần cháu đun hộ ấm nước sôi để thụt..

- Vâng, thế tôi đi nhé... Cái gì nhỉ ? Tôi lại quên mất rồi.

- Cái « bốc ». Thím cứ nói cái để thụt cũng được.

Thím quán vừa chạy tắt tả vừa nhảm đi nhảm lại lời tôi dặn...

Một lúc lâu, thím ta về. Thằng cháu gần bằng tuổi anh cả tôi cũng đun xong ấm nước, xách từ dưới bếp lên :

- Thưa bác, nước được rồi.

Tôi rót nước vào cái « bốc », để một lát cho nước còn ấm ấm, rồi bắt đầu làm việc.

Hai mẹ con chưa trông thấy người ta thụt bao giờ, lấy làm lạ, bung miệng cười. Nhưng không bao lâu, bà mẹ

đâm ra lo sợ, hỏi :

- Này bác, bụng nhà cháu đã căng phình ra thế kia lại đem cho thêm nước vào, thì liệu có việc gì không, bác ?

- Chả việc gì, thím đừng ngại.

Tuy miệng nói cứng mà trí tôi cũng không được yên. Ừ, mà cái bụng của hấn đã phình lên như quả bóng, nhờ vỡ thật thì làm thế nào

Thụt xong, tôi bước ra khỏi buồng ngồi đợi, trong lòng phấp phồng. Năm phút...

Năm phút... mười phút. Thì giờ chờ đợi xem đã thấy lâu. Tôi sốt ruột, buột miệng hỏi :

- Đã thấy gì chưa ?

Tiếng thím quản ở trong buồng nói ra :

- Thấy gì cơ, bác ?

- Không. Tôi định hỏi đã thấy sôi bụng một đi chưa ? Nhưng lại sợ mẹ con nóng ruột, bắn khoăn, lo lắng như tôi...

- Này, bác ạ...

- Cái gì thế, thím ?

Yên lặng. Tôi hồi hộp, lo sợ, nhắc lại :

- Cái gì thế, thím ?

- Bác ạ - ngập ngừng trong giây lát - hình như tôi thấy bụng nhà tôi nó sôi réo.

Tôi cả mừng nói một cách đồng dục như giọng một thầy lang tự tin ở tài mình :

- Thế thì khả lắm ! Tốt lắm ! Thím cho để sẵn đồng gio ở cạnh giường. Mau lên kéo không kịp.

Không kịp thật. Thắng cháu chưa bê được thùng gio lên thì chú quản ta đã tương cả ra quần.

- Chết thật ! Sao bác không bảo tôi trước. Thầy cháu tôi đi cả ra quần rồi.

Lúc ấy giá có ai ngấm tôi, họ sẽ nhận thấy hết vẻ kiêu hãnh tự phụ hiện trên nét mặt.

Quản Tiêm thở dài mấy lần rồi nói, giọng mệt mỏi, giọng của một người trong bệnh vừa thoát khỏi cơn nguy :

- Mẹ nó cho tôi một bát nước. Khát lắm !

Thím quản ở trong buồng bước ra « trình » tôi :

- Nhà tôi đòi uống nước, bác ạ.

- Được, thím cứ cho chú ấy uống, uống vừa thôi.

Thím quần bung nước vào, tôi nói tiếp :

- Thím sẽ nắm bụng chú ấy xem.

Bụng thầy cháu đã thấy mềm mềm, và người đã thấy bớt nóng, bác ạ.

- Thế thì mười phần chắc cả mười rồi. Thím cứ việc mừng đi thôi.

Tôi đứng dậy bước ra khỏi nhà. Hai mẹ con chạy vội ra tiễn. Mẹ muôn búi khách nói :

- Ấy, mời bác hãy ở chơi để tôi bảo cháu nó đun ấm nước chè. Chết chữa ! Từ này cuống quít quên cả giàu nước bác xoi. Chỗ họ đương, bác tha thứ cho nhé.

Tôi tùm tùm cười :

- Chỗ họ đương thế nào xong thôi, nước non làm gì thêm phiền. Vả lại tôi cũng không khát. Thôi, chào thím... À này, tôi định nói lại quên. Thím chớ cho chú ấy ăn cơm vào đấy nhé. Có đói thì chỉ cho húp ít nước cháo thôi. Ăn cơm nhỡ phải lại thì khổ. Thôi, chào thím. Sáng mai tôi lại đến.

Ra đường, tôi đi thong thả bước một, sung sướng vì đã cải tử hoàn sinh một người mà các danh y đều thúc

thủ chịu bỏ.

Về đến nhà, không thấy bà vợ hỏi, bất đắc dĩ, tôi phải khoe vậ : « Hôm nay quán Tiêm không có mình thì thật nghèo. Các thầy lang đã bỏ cả.

Nhà tôi đương ngồi thái củ cải trên thềm, điềm nhiên trả lời : «Phải. Người ta không bỏ thì đâu đến lượt mình. Ý chừng lại giở cái môn thụt của ông đốc Tư ra chứ gì. Này, tôi xin ông « lang thang», ông đừng quen mui, bạ ai cũng thụt vào nhỡ có ngày hỏi bất cập, tôi bảo cho mà biết. »

Tôi cúi kính, bước lên gác, mồm lẩm bẩm : « Vâng, tôi chỉ lang thang, còn người ta thì lang thuốc. Bụt nhà không thiêng có khác...

Một tuần sau, quán Tiêm khỏi, cho vợ đến biếu tôi đôi vịt bầu, béo nục. Lúc khách ra rồi, nhà tôi nói đùa: «Ồ lang thang như cậu mà cũng có người tạ cơ à ! Đã thế từ nay cứ đi thụt khỏe vào để lấy vịt chén. Nhưng mà xin ngài chớ thụt két của tôi như độ nào nhé.»

Suốt tháng nay bận quá. Chẳng ngày nào là ngày được rời khỏi quyển sổ. Chẳng ngày nào là ngày không phải đứng kiểm điểm lại số thuốc (thuốc đây là thuốc lão nhà tôi mua trữ, chứ không phải thuốc nam hay thuốc bắc. Tiếc thay !) Lại còn phải nếm thuốc, ngắm kỹ xuân sợi

xem có đúng với « thuốc chiêu » không ? Lại còn phải trông người ta đóng thuốc vào vại, để mắt vào từng bánh một cho khỏi lầm lẫn. Xong rồi lại còn phải biên vào thành vại, số thuốc giồng, số thuốc trữ, mua ngày nào, tháng nào. Phải viết thật nắm nót từng chữ bằng sơn trắng, vì nhà tôi muốn thế. Rầy quá ! Mà sao nhà tôi buồn lắm thức thế ! Đã một dạo đóng thóc, bắt tôi đứng gạt. Tôi phát cáu, gắt rầm lên. Nhà tôi gắt rầm hơn. Nhà tôi cứ nhất định cho tôi gạt khéo, được hời nhiều. Tôi đuối lý, (bao giờ tôi cũng đuối lý) đành phải đầu dụi, vâng lời vậy.

Nhà tôi đứng cầm nắm đũa làm thẻ. Mỗi khi tôi gạt xong một phương, nhà tôi lại đưa một chiếc đũa cho người hàng sáo. Cũng là cái thân tôi ! Hơi gạt xát một tí là bị nhà tôi quở. Hơi gạt hót một tí là bọn hàng sáo rầy rà...

Thóc phơi, chưa kịp đồ vừa, đã xoay sang buôn vải tấm, vải sọt. Nay lại buôn thuốc trữ. Buôn thế thì lãi để đâu cho hết ! Thế mà lúc nào cũng thấy nhà tôi kêu túng thiếu. Cho hay giàu sang cũng do tại số vậy.

Một hôm, tôi đương loay hoay tính toán sổ sách thì chú Hích, em tôi, ở Kiến-an về, tay xách chiếc « va-ly » nặng trĩu một bên vai. Lũ trẻ reo mừng, vây bọc lấy chú đòi quà.

Hích mở va-ly đưa cho mỗi đứa một chiếc bánh gai Cầu-Mục.

- Còn bác giai, tôi xin tặng một quyển sách trong có ngoài năm trăm bài thuốc kinh nghiệm. Thôi thì thuốc Nam, thuốc bắc, thuốc Mường, thuốc Mán, đủ để chữa đủ thứ bệnh.

Vừa cười nói, Hích vừa cầm quyển sách đưa cho tôi.

Nhà tôi ngạc nhiên hỏi :

- Tiếng lang thang của anh ấy đồn lên tận Kiến-an cơ à, chú ?

- Vâng, tôi nghe thấy người ta đồn : bác giai chữa được nhiều bệnh lạ lắm. Cả đến bệnh chú quản Tiêm mà tất cả các thầy lang trong vùng này cùng chịu. Có phải không, cụ lang ?

Nhà tôi không để tôi trả lời, nói luôn :

- Chả biết có phải tại thụt mà khỏi hay tại thuốc của các ông lang lúc ấy mới ngấm ?

Tôi không thể nhịn được nói gắt :

- Phải, tôi làm gì, có bao giờ mợ chịu khen.

Hích thấy nhà tôi có vẻ trịch thượng, liền cãi hộ :

- Chị cứ khinh miệt anh ấy thế. Người ta mỗi người có một tài riêng.

- Nào có phải tôi khinh miệt. Anh ấy có giỏi thì mới khen được chứ !

Cuộc cãi vã đương kéo dài, bỗng hai bà hàng xóm đưa một bà ở khu ngoài đến chơi.

Hích vốn tính hay bông đùa cợt nhả, bèn bịa ra một câu chuyện để lèo các bà nhà quê thực thà, dễ tin :

- Này, các bà ạ, ông lang Sáu nhà tôi có sách của đạo sĩ truyền cho, chữa đâu được đấy.

Một bà thực thà nhất trong bọn, ngạc nhiên hỏi :

- Thực à, ông ?

- Lại chả thực. Năm ngoái ấy mà, trong khi các bà đi thăm hội chùa Hương thì hai chúng tôi rủ nhau đi ngao du trên núi Tiêu-sơn. Đến cái suối bạc, thấy phong cảnh nên thơ, chúng tôi dừng bước, ngoạn cảnh. Bỗng một ông tiên đầu râu, tóc bạc, mặt mũi phương phi, tay chống gậy trúc, ở trong rừng thung thình đi ra. Theo sau, một cậu bé xinh xẻo, tay cầm bầu rượu, tay xách túi thơ. Anh tôi khôn ngoan quỳ ngay xuống, xin đạo sĩ một vài phép để về cứu thế. Tiên ông nhếch một nụ cười. Tiếc rằng không thể tả được nụ cười ấy cho các

bà. Giá các bà được ngắm nụ cười ấy thì, tôi chắc, mỗi bà sẽ sống thêm được vài tuổi. Vì chúng tôi cảm thấy trẻ thêm ra. Nói đến đây, Hích tùm tùm cười, vỗ vào ngực : « Đây, các bà trông, tôi có trẻ ra không ? »

Nhà tôi rũ xuống cười, rồi vừa cười, vừa nói :

- Phải đấy các bà ạ. Chú cháu trẻ hơn năm ngoài nhiều.

Một bà hàng xóm ngắm nghía Hích, bình phẩm :

- Vâng, có thể. Tôi trông ông độ này trẻ đẹp ra nhiều.

Một bà khác hỏi :

- Thế rồi sao nữa, ông ?

Hích cười, kể tiếp :

- Thế rồi tiên ông lấy ở cái túi ra một quyển sách đưa cho anh tôi. Đoạn hai thầy trò tiên ông trở vào rừng biến mất. Chúng tôi đem sách về, giở ra xem thì thấy toàn những bài thuốc viết bằng chữ quốc ngữ, chữ đánh máy. Ấy, cái bệnh của ông quản Tiêm mà anh tôi chữa được là cũng nhờ quyển sách ấy đấy.

Các bà tấm tắc khen :

- Quý hóa quá ! Phúc đức quá nhỉ !

Nhà tôi vẫn rũ xuống cười. Thế mà các bà không tỏ chút ngờ vực.

Một bà hàng xóm quay sang tôi, nói có vẻ rụt rè, ngượng ngập :

- Thừa ông, tôi có người bà con đến xin ông chữa giúp cho.

Bà khách lạ ở khu ngoài tiếp lời :

- Bẩm cụ, chẳng giấu gì cụ. Chính người em dâu cháu mắc bệnh tê liệt đã ba tháng nay. Các ông lang chuyên nhau chữa mãi không khỏi. May nhờ có bà khán này là chỗ thân thuộc (chỉ bà hàng xóm) cháu mới dám đường đột đến quấy quả cụ. Thôi thì làm phúc cũng như làm giàu, nhờ cụ chữa cho, nhà cháu đời đời nhớ ơn cụ.

Tôi còn đương lúng túng thì Hích nhanh nhẩu, trả lời liền :

- Được, bà cứ về. Chiều nay chúng tôi đến.

- Giá cụ đến ngay cho thì hay lắm.

- Không thể đến ngay được. Cụ lang tôi còn phải tra cứu.

- Vâng, thế chiều nay, cháu cho người nhà đến đón các cụ.

Nói rồi, bà khách sung sướng đứng dậy chào. Hai bà kia cũng đứng dậy cáo từ, trong khi nhà tôi vẫn rũ xuồng cười, đến nỗi không trả lời được câu chào của họ. Họ ra rồi, tôi bực tức gắt Hích :

- Chú cư nhận lời phứa. Tôi biết bệnh tê thể nào mà chữa. Bây giờ chú bảo tôi sao ?

Nhà tôi vẫn chưa hết cười nói mĩa :

- Thì sẵn có môn thụt đấy. Giở ra mà thụt.

Tôi đương bực tức cũng phải bật cười : Hích cầm quyển sách để trước mặt :

« - Đã có sách tiên. » Vừa nói vừa mở trang mục lục ra dò từng chữ. Tôi tò mò cũng cúi xuống tìm giúp. Hích dò đến vần T và lẩm bầm : « Tả... Tả lý... Tả hàn, tả nhiệt... Tê đây rồi. Tê thấp, tê sưng, tê liệt. Thừa cụ lang, tê liệt đây chứ đâu. » Rồi đưa tay trở sang cột số : « Trang hai mươi bốn, bài thứ năm trăm ba mươi sáu. »

Tôi mừng, nghĩ thầm : “Miễn là có một bài thuốc để chữa. Còn khỏi hay không là do tại phúc chủ. »

Hích giở đến trang 24, đọc to : « Số năm trăm ba mươi sáu. Bài thuốc chữa tê liệt. Điều thứ nhất : lấy bốn bát đồ đen trộn với dấm thanh, đổ vào chảo, xao trong nửa giờ. Đem đồ xao giải xuống đất. Lấy chiếc chăn

mỏng phủ lên và đặt bệnh nhân nằm trên. Lấy chiếc chăn khác phủ kín khắp người bệnh nhân. Điều thứ hai : bắt con gà ác, phải gà đực... (Ác là gì, hử cụ lang ?)

- Ác là đen tuyền như mèo ác, chú không biết à ?

Hích đọc lại : « Bắt con gà ác, phải gà đực mới kiến hiệu. Làm lông rồi đem mỡ lấy hết bộ phận ở trong ra. Không được dùng nước. Lấy giấy bản, lau sạch. Xong đầu đây, bỏ trong bụng gà một lạng tục-đoạn, một lạng ý-dĩ, năm đồng cân sa-sâm. Khâu bụng nó lại, hâm cách thủy một ngày một đêm để lấy nước cho bệnh nhân uống. Cứ ngoài xông trong uống như thế trong vòng nửa tháng hay một tháng tùy theo nặng, nhẹ, tắt bệnh sẽ khỏi. »

Đọc xong, Hích bình phẩm bằng một câu khôi hài :

- Chữa thế thì thánh thật ! Hoài của, giá ngày xưa có môn thánh dược này thì giàu to rồi.

Nhà tôi phản đối :

- Chắc khỏi đâu mà chú đã vội khen.

- Mười phân chắc khỏi cả mười, chị ạ. Chị không biết. Trong sách này chép toàn những bài thuốc kinh nghiệm.

Tôi nhầm đi nhầm lại bài thuốc nhiều lần.

Chiều hôm ấy chúng tôi đến nhà bệnh nhân.

Bệnh nhân là một người đàn bà vào chạc ba mươi trở lại, da dẻ xanh xao, vàng vọt.

Tôi vờ cầm mạch cho ra vẻ một ông lang, nhưng không sao bỏ được nụ cười ngượng ngịu. Nhất là lúc tôi hỏi đến đồ đen và gà đen đực.

- Bẩm cụ, đồ đen thì nhà cháu có sẵn. Còn gà đen thì khó. Để cháu bảo trẻ nó đi các chợ lùng kiếm.

Người nói câu ấy là người chồng, nhà cũng vào bậc khá giả.

Cả nhà nhón nhíp chạy lên chạy xuống. Người lấy đồ đen, kẻ sang hàng xóm xin dấm thanh để cụ lang hòa thang, người đun nước pha chè, kẻ thu dọn chăn chiếu, quét thêm sạch sẽ để lấy chỗ bệnh nhân nằm.

Rồi thì giờ, chúng tôi rủ nhau ra vườn ngắm cây. Vì nhà ấy có vườn cam sai quả. Tôi hỏi sẽ Hích : « Chẳng biết thuốc có công hiệu gì không mà nhà chủ tin ở tài chúng mình lắm.

Hích tùm tùm cười :

Thì hăng cử chữa. Được những thứ ấy cũng không công phạt gì.

Một tuần sau, trong lúc tôi quên hẳn việc chữa thuốc thì một người đàn ông xách một con cá vược và một thùng bé đội mâm cam đi từ cổng vào. Người ấy gãi tai nói thủ thỉ :

- Lạy cụ, nhờ ơn cụ chữa cho, nay bu cháu đã đỡ nhiều. Chắc chỉ trong vòng nửa tháng nữa sẽ lành mạnh như cũ. Bẩm cụ, chúng cháu gọi là có chút lễ mọn đem đến tạ cụ.

Tôi nhất định chỉ nhận con cá. Còn mâm cam tôi cho lại.

Nhưng hẳn cũng nhất định khấn khoản lấy được : «Lạy cụ, chúng cháu đội ơn cụ nhiều chứ một ít lễ mọn có kê vào đâu, xin cụ nhận cả cho để chúng cháu khỏi ân hận. »

Từ đấy, tiếng tăm tôi lừng lẫy khắp làng. Đâu đâu người ta cũng ca tụng ông lang với những phương thuốc thần diệu.

Tôi bắt đầu tin ở cái tài làm thuốc, ở cái tay sát dược của tôi. Ngày đêm tôi ra công nghiên ngẫm trong quyển sách thuốc. Tôi mua cả y báo về xem để những lúc gặp các ông lang, có câu mà khoác lác. Tôi đã hiểu qua thể nào là mạch trầm, mạch nổi, thể nào là mạch sắc, mạch xích, thể nào là thực hàn thực nhiệt, hư hàn, hư nhiệt,

vân vân... Tôi biết cả tính dược, biết chữa bệnh theo lối vương đạo hay bá đạo tùy tạng của từng bệnh nhân. Cái đó cũng dễ hiểu. Thí dụ như bệnh nhân thuộc về giòong quý phái, hay tâm bồ nhiều, hay ăn cao lương mỹ vị, không nề hà tiền nong thì tôi dùng đến vương đạo. Còn những hạng thuộc về điền dã, nghèo khó thì tôi sẽ dùng bá đạo.

Nói thế chứ thực thì tôi cũng chỉ xoay xở loanh quanh trong quyển sách quý báu mà Hích đã tặng tôi. Vì của đáng tội, những bài thuốc trong quyển sách ấy rất sơ sài, dẫn dị khiến tôi không sợ làm lẫn, không sợ công phạt, đỡ phải suy xét, lao lung.

Dần dần, tôi đâm ra mê làm thuốc. Không mấy ngày là tôi không đi khắp xóm kia tìm người ốm để chữa. Thường thường là những hạng nghèo khó, không có tiền mời những ông lang thực thụ.

Một buổi sáng tôi đi lấy thuốc cho một người sốt rét. Thuốc của tôi hầu toàn những vị mà các hiệu thuốc không có bán. Nó là những thứ cây mọc ở các bờ ruộng, bờ đầm, ở những các bụi rậm hay xó vườn hoang. Có khi ở ngay trước mắt, có khi tìm hàng ngày không được.

Thứ thuốc tôi đi lấy buổi sáng hôm ấy là cây nhọ nôi, một thứ cây rất dễ kiếm. Nhưng theo trong sách thì tôi phải ngậm miệng mà đi, không được chào ai, nói với ai

nửa tiếng. Và khi đã tìm thấy cây rồi, phải dừng lại, nín hơi, đếm đúng bảy bước từ chỗ đứng đến chỗ cây. Có nhiên là phải đếm bằng óc. Vẫn phải nín hơi cúi xuống ngắt lấy bảy ngọn, nếu bệnh nhân là đàn ông, chín ngọn, nếu là đàn bà. Liệu xem, nếu biết còn thừa sức nín hơi thì bẻ gập những cây ấy xuống để phòng bệnh nhân khỏi rồi mà quên ơn thầy thì lại đến dựng chúng nó lên. Tức thì kẻ vô ơn bội nghĩa sẽ hoàn bệnh như cũ. Sách có dạy thế, song tôi vốn là một ông lang có lương tâm, nên chưa bao giờ dùng tới, mặc dầu bệnh nhân quên ơn. Nếu biết mình không còn đủ sức nhịn thở thì phải bước giở lại mau, vì còn phải giả lại bảy bước đến chỗ cũ rồi mới được thở. Như thế kẻ cũng khó khăn đây chứ !

Ấy cũng chỉ vì nín hơi lặng tiếng mà tôi bị hai người bạn gặp sáng hôm ấy, cho tôi là khinh người, làm bộ và bảo nhau không thèm đi lại giao du với tôi nữa.

Tôi mất hai người bạn, nhưng người sốt rét của tôi khỏi bệnh. Chẳng biết khỏi bởi lá nhọ nôi rịt ở cổ tay và gan bàn tay hay là bởi nhịn cơm mấy bữa. Tôi vẫn tham bác đông, tây. Động sốt hay mắc bất cứ bệnh gì là trước hết tôi bắt nhịn cơm đã.

Tôi nhất định cho cái công hiệu ấy do ở lá nhọ nôi và tôi càng nhắm mắt tin theo quyền thần dược. Tôi tin cả những câu thần chú nhảm nhí lẫn những cách ngộ nghĩnh ghi trong sách.

Tiếng tôi hay thuốc mỗi ngày một lan rộng. Không mấy ngày là không có một vài người, phần nhiều là nghèo khó, đến mời tôi. Trong một tháng, cái ngăn tủ đựng thuốc của chúng tôi đã gần cạn sạch, vì, tôi thú thực, lắm khi chữa theo sách không khỏi, tôi cũng có lạm dụng đến thuốc tây, thuốc tàu mua trữ.

Nhà tôi thấy thế lại càng ác cảm với nghề làm thuốc của tôi.

Một buổi trưa, tôi khó ở, đứng trên gác nhìn qua cửa sổ xuống sân, có ý đợi các bệnh nhân đến hỏi mạch, xin thuốc. Bốn người đàn bà ăn mặc cũ kỹ từ ngoài cổng vào, chưa kịp hỏi ông lang thì bà lang đã sồn sồn ẩy họ ra và nói lời thôi một tràng dài : « Tôi xin các người. Các người đi ra đi. Nhà tôi có biết thuốc men gì đâu. Chữa liệu chữa lĩnh bằng những lá lẻo quàng xiên, uống vào nhỡ bị trúng độc, chết bỏ mạng. Ở vùng này thiếu gì các ông lang. Sao các người không đến đấy mà chữa, để khỏi tiền mất tật mang. Tôi bảo thật đấy. Nếu nhà tôi giỏi thuốc thật thì tôi can các người làm gì. Tôi lại chả muốn được tiếng là vợ một nhà danh y hay sao. Nhưng mà thật nhà tôi chẳng biết một tí gì đâu. Chỉ lang thang dớ dẩn đấy thôi. »

Tôi tức uất lên, đi đi lại lại trên gác như con hổ lồng lộn trong cũi. Tôi không dám xuống, sợ bề với các bệnh nhân. Tôi biết, nếu tôi có đấy, nhà tôi sẽ làm quá nữa.

Những lúc như thế xảy ra nhiều lần. Song tôi không nản chí ; cố nén tâm chịu nhịn. Rồi cũng có ngày nhà tôi trở lại phục tôi.

Có nhiều người khuyên tôi nên chữa thuốc lấy tiền để nhà tôi hài lòng. Có nhiều người lại khuyên tôi nên chữa làm phúc để quảng cáo cho xa gần cùng biết, đợi khi nào có những tay giàu sụ cầu cứu đến sẽ giã nặng.

Tôi không để ý đến lời khuyên của họ. Tôi chỉ ham mê nghề lang như người ham mê cờ bạc hay đồng bóng. Một vài hôm không có bệnh nhân để chữa, tôi bần khoản rạo rục không yên.

Một hôm tôi đi lang thang mãi sâm sẩm tối mới về, thấy nhà tôi nằm rên. Đứa đầy tớ gái đứng cạnh giường gù lưng xuống đám đóm độp trên chăn. Mâm cơm còn nguyên đặt trên bàn. Các món ăn đã nguội lạnh và nồi cơm đặt trên ghế đầu, để lâu, đã ôi. Các trẻ ăn từ chiều đã chạy sang chơi bên hàng xóm.

Tôi hỏi hận, đi lại giường hỏi : « Mợ làm sao thế ? » Nhưng nghĩ đến phương thuốc tôi sắp đem ra thi thố, nghĩ đến lúc nhà tôi khỏi bệnh sẽ phải phục, trong lòng tôi vui vui.

Thấy tôi đến, đứa đầy tớ gái đứng dẫn ra một bên. Tôi sẽ nhắc mép chăn hỏi lại : « Mợ làm sao thế ? »

Nhà tôi nhăn mặt như cố nhịn cho khỏi rên, rồi nói sẽ: « Tôi từ trưa, bỗng nhiên nhức đầu chóng mặt, ngực tung tức. Tim lúc thì đập mạnh, lúc thì như ngừng hẳn lại. Bụng lúc đau ở gần dạ dày, lúc đau ran dưới rốn. Ái! ái - nhà tôi vừa kêu vừa nằm sấp xuống rồi nói rấn ra từng tiếng nặng trĩu.- Hiện giờ nó đau ở dưới rốn. Ái ! Ái đau ! Nhài đâm hộ mợ tí. Đâm mạnh vào ! Ui chao ôi ! Đau quá. Đau thế này thì chịu sao được ! »

Con ở lại cúi xuống đâm đôm đốp trên chăn.

Tôi đứng thừ ra nghĩ. Bệnh gì lại có bệnh oái oăm, đau lung tung thế thì còn biết đằng nào mà chữa. Tuy vậy tôi cũng không chịu thoái để đến nỗi mất tín nhiệm với nhà tôi. Tôi bèn lẳng lặng đi ra vườn sau, lần mò đến khóm ngải mà tôi đã giồng trừ sẵn để làm thuốc. Trước khi hái chín ngọn, tôi đọc chín lượt câu thần chú, lưỡi không chạm răng : « Bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ ! » Tôi lẳng lặng vào trong bếp tìm củ gừng cắt lấy ba nhát bỏ cả hai thứ vào siêu nước, rồi cặm củi sặc, đem lên cho nhà tôi uống.

Uống được độ nửa giờ, nhà tôi bỗng kêu giời kêu đất, vật mình vật mẩy, tung cả chăn, bật cả gối xuống đất. Một lúc lâu, nhà tôi cố nhịn kêu để bảo tôi : « Cậu cho mời ông lang Sung đến ngay lập tức không có thì tôi chết mất.» Vừa rút câu, nhà tôi lại vật mình vật mẩy, kêu la, hết ôm ngực lại ôm bụng.

Tôi lo sợ cuống cuồng, đành phải giục con ở chạy đi mời lang Sung vậy.

Trong lúc chờ đợi, nhà tôi vẫn kêu, vẫn vật mình vật mảy chốc chốc lại thốt ra câu : « Thuốc với thang ! Giết người không bằng ! » làm tôi thêm nóng lòng sốt ruột.

Tôi vừa tức vừa xấu hổ với lang Sung. Nhà tôi nói : « Ông ạ, không biết nhà tôi cho tôi uống nhầm nhí những gì mà các cơ thể tôi như đảo lộn cả lên, đau không thể nào chịu được. Không có ông thì thật chết.

Cơn tức của tôi đã lên tới cực điểm. Không thể chịu được, tôi nói rõ phương thuốc của tôi cho ông lang Sung biết. (Trong sách cấm ngặt không được lộ môn thuốc chữa). Rồi, không đợi câu bình phẩm, tôi bước vội lên gác.

Hai hôm sau, uống hết hai thang thuốc của lang Sung nhà tôi khỏi hẳn bệnh, đi lại làm lụng như thường. Trông thấy tôi đâu là nhà tôi mỉm cười, nói tức : « Thôi, từ nay trở đi ông có chữa cho ai thì chữa, nhưng xin ông trừ tôi ra nhé. Tôi còn nhớ những cơn đau tái người ».

Tôi ngượng quá. Tám chín hôm liền, cố lánh mặt mọi người, nhất là lang Sung, vì một câu của hắn sau khi nhà tôi lành mạnh : « Từ nay ông cứ đi thăm bệnh với tôi. Khi nào cần đến thụt thì đã có ông. Còn thuốc men

mạch miệc, để mặc tôi xoay sở. »

Phải, chỉ có hần biết xoay sở thuốc men, còn tôi thì chỉ biết thụ.

Suốt tháng giời, tôi không thò mặt ra đến cửa, không đi bắt mạch bốc thuốc cho ai. Tuy vậy tôi vẫn không thoái chí, vẫn tin ở quyền thần dược, ở cái tài tham bác đông tây.

Tôi suy nghĩ kỹ và ngờ vực cái bệnh lạ lòng của nhà tôi, ngờ vực cả hai thang thuốc của lang Sung. Chả có lẽ, chỉ có hai thang lục vị mà chữa được cái bệnh oái oăm, lạ lòng ấy. Phải, chả có lẽ.

Song tôi không hề hé môi với nhà tôi, chắc thế nào nhà tôi cũng sẽ cãi lấy được.

Cả ngày, trừ hai bữa ăn, tôi luẩn quẩn trên gác, miệt mài trong tập y bảo, hoặc xem lại các bài thuốc kinh nghiệm trong quyền thần dược...

Một hôm, vào khoảng mười một giờ trưa, tôi vừa cơm nước xong, sắp sửa lên gác thì một người đàn bà hốt hơ hốt hải chạy vào : « Lạy cụ, nhà cháu bị thương hàn bí cả đại tiểu tiện, y như bệnh ông quản Tiêm khi trước. Vậy nhờ cụ hết lòng cứu nhà cháu như cụ đã cứu ông quản. Cứu bệnh như cứu hỏa, cụ đi ngay cho kéo sợ chậm trễ. »

Nhà tôi cũng có đấy, đỡ lời : « Được ! cứ về !... À mà hãy đứng đợi đấy để cầm hộ ông lang cái « bốc ». « Rồi quay sang tùm tùm cười, hỏi tôi : « Có phải dùng đến « bốc » không, cậu ? »

Tôi cũng tùm tùm cười, trả lời : « Có chứ. » Nhưng nụ cười của nhà tôi là nụ cười chế nhạo, còn nụ cười của tôi là nụ cười ngượng ngập, trơ trẽn.

Ra đến cổng, tôi còn nghe thấy tiếng nhà tôi nói với theo : « Cẩn thận cái bốc» đấy nhé. Cả một tài nghệ của nhà lang đấy. »

Đi ngoài đường, tôi mất cả vui, cả nhuệ khí vì câu chế riễu ấy...

Thấy tôi, cả nhà mừng rỡ như gặp được phúc tinh. Tôi vào thăm bệnh, mừng thầm thấy cái bụng của bệnh nhân cũng phình chướng như bệnh quản Tiêm khi trước. Chắc ai cũng đoán tôi sẽ dùng phương thụt. Vâng, tôi thụt và cũng như lần trước đại tiện thông và cái bụng của bệnh nhân dẹp xuống.

Ba hôm liền, tôi toàn dùng phương thụt. Hôm thứ tư, bệnh nhân đậm ra ly. Tôi liền cầu cứu đến quyền thần được, lấy bảy ngọn ngải cứu với ba nhát gừng làm thang.

Hôm thứ năm, thứ sáu, tôi ngồi nhà đợi. Bặt vô âm tín. Rồi hai hôm sau, bỗng có tin bệnh nhân chết.

Chết ! Chả có lý ! Cùng một căn bệnh, cùng một phương thuốc thì chết thế nào được.

Thế mà thực, mười phần thực cả mười. Cái tin xã Tồn chết về bệnh thương hàn đồn đi khắp làng. Họ còn phao tin rằng : « Chết vì thụt và uống phải thứ lá lẻo quàng xiên của ông lang Sáu. »

Tôi hốt hoảng, bỏ đi tìm những người thân thuộc với xã Tồn thì họ bảo rằng : uống thuốc tôi không chịu, người nhà bèn đi mời lang Sung. Hai chén thuốc cầm của lang Sung vẫn không ăn thua. Sau cùng cầu cứu đến lang Tại được một hôm thì chết. Họ tiếp thêm rằng : cái tin đồn vì thụt, vì lá lẻo là do ở mồm hai ông ấy nói ra. Hai ông cùng bảo : bệnh nhân vốn tạng hàn, không chịu được thụt nên mới đâm ra lỵ. Lại uống lá lẻo, nên lỵ đâm ra nặng quá, không thể cứu được nữa. Riêng lang Tại thì bảo : giá uống thuốc ông ta ngay từ trước thì không đến nỗi. Ông ta chỉ bốc ba thang bổ khí là khỏi.

Tôi hối hận quá. Biết thế để họ chữa chạy chán không khỏi rồi mình sẽ dùng đến phương thụt có hơn không. Hay cứ để lang Tại chữa ngay từ đầu có lẽ khỏi cũng nên. Ông ta có môn gia truyền.

Họ bảo bệnh nhân tạng hàn... Ừ mà hàn thật. Trông sắc mặt xanh xao của bệnh nhân cũng đủ biết. Thế mà mình không để ý. Bực quá !... Nhưng mà hàn thì không thụt được hay sao ?... Có lẽ, nếu không sao lại đâm ra lỵ... Càng nghĩ luẩn quẩn thì càng thấy lỗi ở tôi và tôi càng hối hận.

Không có tôi thì đâu xã Tồn đến nổi chết, Xã Tồn chết oan, xã Tồn chết vì tôi. Ý tưởng ấy lớn vồn trong óc tôi, luôn luôn ám ảnh tôi, không để tôi yên lúc nào. Dần dần tôi thụ bệnh, nói mê, nói sảng. Hình ảnh xã Tồn hiện lên, nét mặt dữ tợn. Cặp mắt đầy vẻ căm hờn, hai tay rung rung như muốn chồm lấy tôi bóp cổ. Tôi sợ quá, kêu rú lên một tiếng rồi thiếp đi.

Một đêm, cả nhà đương ngủ, tôi ngồi nhòm dậy kêu thất thanh : « Trời ơi ! Có ai cứu tôi với ! Xã Tồn đến đòi mạng tôi kia kìa ! » làm cho cả nhà thức giấc và hốt hoảng.

Nhà tôi thấy bệnh tình tôi mỗi ngày một trầm trọng, bèn một mặt cho thừa vàng mã và một hình nhân thế mạng, một mặt cho đi mời ông đốc ở N. G. về.

Sau khi bắt mạch và hỏi căn kẽ, ông đốc bảo tôi loạn óc.

Hơn tháng giời vừa uống thuốc vừa tiêm, tôi mới lành mạnh như cũ.

Nửa tháng sau, nhà tôi nhận được ty rượu V. Đ. và tặng tôi cái chân thư ký. Cả ngày ngồi bàn giấy biên chép tính toán sổ sách, tôi bận quá, không còn lúc nào rỗi mà rờ đến sách thuốc.

Một hôm, tôi thu dọn tủ để lấy chỗ bày những chai rượu. Dưới đáy tủ, một chồng y báo, trong đó có cả quyển thần dược, bị bỏ quên đã lâu ngày. Tôi lôi ra, thấy toàn tập đều bị dán nhấm nát tươm. Không thể dùng được nữa, tôi ôm cả ra sân đốt. Nhà tôi vui vẻ, nói riều : « Thầy lang tôi đốt sách. Nếu có dao cầu cũng nên băm nốt ra cho xong chuyện. »

BỌN TÌM VÀNG

Tôi làm cho một tuần báo. Mỗi tuần bắt buộc phải viết một truyện ngắn. Tuần này, chỉ còn hai hôm nữa phải nộp truyện mà năn mãi óc chưa ra một câu nào...

- Cái gì thế ?

- Bẩm ông có thư.

Thấy nét mặt tôi cau có, anh đầy tớ sợ để vội phong thư trên bàn, cúi mất.

Tôi đặt phịch cán bút xuống bàn, bóc thư ra xem.

Anh T..

Tôi sắp chết. Tôi chết đến nơi rồi. Anh về mau. Tôi có một chuyện ngắn tặng anh, chuyện về tôi, rất quan hệ, rất...

Biêng.

Lạ quá ! Bức thư viết dở. Nét chữ ký và chữ đề phong bì cùng một thứ, nhưng khác hẳn chữ trong thư. Tất cả việc chẳng lành xảy ra, xảy ra một cách đường đột, nhanh chóng... Ta hãy về xem.

- Nhỏ !... Trông nhà. Tôi đi, không biết chừng thường

mai mới về. Vậy đừng làm cơm chiều nay nhé.

Tôi chụp cái mũ lên đầu, vác cặp ra đi. Vừa đến cửa nhà Biềng, tôi đã đoán biết hết.

Giữa nhà, một bức rèm trắng. Trên bàn, một bộ thất sự, đỉnh trầm khói tỏa nghi ngút. Mấy đứa trẻ áo sô, khăn trắng sổ mũi.

Tôi chưa kịp hỏi thì người vợ góa khốn nạn đã sụt sùi khóc, kể lể : « Thừa ông, nhà tôi mất rồi. Mất một cách đường đột quá, ông ạ. Nhà tôi vừa gọi tôi lấy giấy bút biên thư cho ông. Nửa chừng bỗng nhà tôi buông rơi cán bút kêu thất thanh : « Trời ơi ! Thần Liễu Đông đến kia rồi ! Tôi chết mất ! » Vừa nói xong câu : « Tôi chết mất ». Nhà tôi ngã vật xuống giường lịm đi, gọi mãi không tỉnh. Rồi cứ thế nhà tôi không tỉnh lại nữa. »

- Bác giai có dặn gì tôi không ?

- Thừa không... À mà có, có để lại cho ông cuốn chuyện.

Nói đoạn, vợ Biềng đi lại ngăn kéo, lấy ra một cuốn giấy ngoài bọc, gián cẩn thận và đề địa chỉ của tôi. Ý chừng anh định gửi lên cho tôi từ trước.

Chiều hôm ấy cát đám. Tôi đưa anh Biềng ra đồng và sáng hôm sau, tôi giờ về với tập chuyện ngắn của anh.

Lời văn tuy không được chải chuốt, lắm chỗ kể hầy còn lồi thoi vụng về, song những việc xảy ra trong chuyện toàn là sự thực. Người làng Bồi-Khê và Hạ-Am, quê hương anh, nhất là anh Đào-trọng-Rậu hiện đương dạy học ở Hải-phòng, đã được mục kích từ đầu chí cuối tuy không nhập bọn. Tôi xin chép nguyên văn dưới đây.

Một hôm cũng là ngẫu nhiên, nhân dịp ra chơi Hải phòng, tôi tạt vào thăm cô Thi, người làng Bồi-khê cách làng tôi ba cây số.

Nhà tôi vốn giòng đạo gốc nên thầy tôi quen biết cô từ ngày cô còn là thầy dòng. Cố năng đến chơi thầy tôi để đàm luận về Chúa và đạo Chúa. Vì thế mà tôi được biết cô từ ngày tôi còn nhỏ. Cố yêu tôi lắm, thường vẫn cho tôi những lọ kẹo và ảnh các Thánh.

Năm thầy tôi mất, ông thầy dòng trẻ tuổi đã lên chức cố và hầu việc Chúa, cai quản cả một xứ Đông-lôi.

Mỗi lần tôi cùng mẹ tôi đến lễ nhà thờ, cố xoa đầu tôi và ban cho tôi bánh thánh. Bẵng đi một thời không thấy cố đâu, rồi đêm Noel năm ngoái, tôi gặp cố ở nhà thờ Đông-lôi. Thấy tôi chào, cố nhận ra ngay, vui mừng hỏi han và khuyên tôi giữ cho ngoan đạo như thầy tôi khi xưa.

Lễ cầu nguyện xong. Lúc tôi sắp ra về, cố đi lại chỗ tôi ngồi, ân cần hỏi han lần nữa và dặn tôi khi nào ra Hải-phòng, đến phố nhà thờ vào chơi nhà cố, vì hiện giờ cố đòi ra đây giúp đức cha, hầu việc Chúa. Hình như cố chú ý săn sóc đến tôi lắm. Hay cố thấy tôi sắp thành một con chiên ghẻ lở mà muốn cứu vớt linh hồn tôi ? Hay cố cho tôi trung thành với Chúa và đem lòng yêu mến tôi ?

Vì muốn đáp lại cảm tình ấy, nên nhân dịp ra Hải-phòng, tôi tạt vào thăm cố.

Vừa trông thấy tôi, cố lộ hẳn vẻ sung sướng, hớn hờ như cha gặp con sau một thời xa vắng khá dài. Cố đặt hai bàn tay mập mập lên vai tôi và chúc : « Chúa ban phước tốt lành cho con. » Rồi cầm tay kéo tôi ngồi xuống ghé đôi diện ghé với cố. Đoạn cố gọi người nhà đem rượu lễ ra mời tôi uống,

Cố vui vẻ nói luôn. Hết chuyện đạo đến chuyện làm ăn. Tôi chỉ việc uống rượu thánh ngồi nghe cố kể, ngoan ngoãn như một con chiên tốt lành.

Nhưng chuyện kể mãi rồi cũng có lúc cạn.

Hình như không muốn có cái yên lặng nó có thể làm cho cuộc thù tiếp kém vẻ mặn mà, thân mật, cố kể đến những chuyện đâu đâu. Rồi chẳng liên lạc gì với chuyện

trước tự nhiên cổ kể đến chuyện tìm vàng, chuyện khách để cửa, đến cách dã man của họ : bắt một người đàn ông hoặc đàn bà, con gái, gấn chặt mồm bằng cánh kiến, đem chôn sống dưới hầm để làm thần giữ cửa.

Nhân câu chuyện ấy, cổ kể sang chuyện nhà cổ. Cổ nói : « Trước cửa nhà tôi, cách cái ao, có thửa đất rộng ước chừng ba sào. Thửa đất ấy khi xưa là của hai vợ chồng xã Đờm, không biết xã Đờm hay khán Đờm, lâu ngày tôi quên mất. Hình như khán Đờm thì phải. Hai người lấy nhau đã lâu lắm rồi mà chẳng có con cái gì cả.

Thấy nói ba, bốn chủ trước cùng không con, hấn sợ tuyệt tự, bèn đem nhà đất bán lại cho cụ tôi. Cụ tôi phá đi, san phẳng làm vườn giồng chè.

Lúc cụ tôi sắp mất, cho gọi tôi đến gần giường dõng dăng. Vì thế mà tôi biết : hai mươi năm về trước. Là tính từ khi tôi còn nhỏ dại đến lúc ấy, chứ đến bây giờ thì gấp đôi, bốn mươi năm, hơn bốn mươi năm rồi.

Vào khoảng giữa tháng sáu, giờ làm mưa lụt, tràn ngập cả vườn. Sợ ủng gốc chè, cụ tôi cho sẻ rãnh tháo nước ra cánh đồng.

Một hôm người nhà vào trình cụ tôi có tấm bia nổi lên ở góc vườn. Cụ tôi ra xem thì thấy đầu tấm bia nhô lên khỏi mặt đất, với mấy chữ triện : « Mã viện đệ tam

thê » khắc nổi. Cụ tôi định khi nào nước cạn, đất khô, sẽ cho đào lên xem. Nhưng mưa vẫn rả rích và cụ tôi mãi hầu việc chúa, quên bẵng đi mất.

Mãi năm sau, một đêm, đi đâu về, cụ tôi thấy đàn vịt vàng chạy về phía vườn rồi biến mất. Sức nhớ tới tấm bia, sáng hôm sau, cụ tôi cho tìm kiếm, đào mấy chỗ cũng không thấy.

Từ đây thỉnh thoảng cụ tôi lại gặp đàn vịt vàng. Cụ tôi vẫn để ý đến tấm bia, cho là khách để của và dặn tôi nên tìm kiếm cho lấy được, chắc chắn thế nào cũng có vàng ở nội trong cái vườn ấy. »

Tôi tò mò hỏi cổ : «Thưa cha, thế cha đã cho tìm kiếm cái bia chưa ? »

Cổ tùm tùm cười : «Cụ tôi già lẫn, nghĩ quẩn ra thế, chứ của với cái gì ở đấy... Và lại biết đích cái bia ở chỗ nào mà đào. Chả nhẽ đào khắp vườn à ? »

- Cha thử cho đào xem. Biết đâu lại không có. Con thấy nhiều chỗ để của cùng một dấu tích để lại làm đích cho con cháu nhà có của chôn để tìm.

- Với lại cũng vô lý. Mã Viện sang ta từ đời tám hoành nào. Khi ấy vùng ta ở còn là bể cả, lấy đâu ra đất mà để của.

Đồng hồ quả lắc trên lò sưởi, điểm thông thả mười hai tiếng. Tôi vội đứng dậy cáo từ. Cố ân cần giữ tôi lại ăn cơm.

- Thừa cha, con có việc cần phải về ngay. Cha cho phép để khi khác.

Ra bến ô-tô, ngồi trên xe, về tới nhà, lúc nào tôi cũng nghĩ đến tám bia, đến mấy chữ. « Mã Viện đệ tam thế », đến cái vườn để của. Rồi hàng tháng, lúc đi, lúc ngồi, lúc nằm, chẳng lúc nào là nó không lờn vờn trong óc tôi.

Tôi đã đem lẽ phải của cố ra suy xét : «Ừ mà cố nói phải. Vùng ta toàn là đất phù sa, bề mới bồi được đồ vài trăm năm nay. Mã Viện sang ta đã hàng nghìn năm, từ đời cổ sơ nào.

Một ý nghĩ khác, ý nghĩ của tôi, phản lại : «Mấy chữ « Mã Viện đệ tam thế » có thể là một giọng chữ ghi trong gia phả làm dấu tích. Có thể lắm. »

Có thể lắm. Câu ấy tôi nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần. Cái bia không mấy lúc rời khỏi óc mơ tưởng của tôi.

Một đêm tôi nằm mê. Tôi cùng vài người bạn hì hục đào, mỗi người đào một chỗ... Bỗng nhát mai của tôi vấp xuống đánh cách một cái. Tôi đào sang hai cạnh.

Đầu bia nhô lên. Tôi vui mừng hò reo : « Ha ! Ha ! Các anh ơi ! bia đây rồi ! »

Mọi người chạy lại, xúm vào, cầm đầu cầm cổ đào... Cãi bia đã hiện hình toàn thể. Chúng tôi khiêng lên, vút đánh huych xuống đất, lấy nước rửa sạch. Một bản chữ nho khắc rõ ràng trên mặt bia. Một anh biết chữ, đọc.

Chúng tôi quên cả mệt, cứ nhời trong bản khắc, đào theo kiểu chữ « chi ». chéch sang trên trái hai thước ta rồi giở về bên phải, cách xa bia năm thước...

Cạch một cái nữa. Tôi sung sướng, kêu lên : « Vàng đây rồi ! » Tôi lật tảng đá vuông có chữ « Mã » khắc nổi.

Một cái hầm sâu hoắm, Miệng hầm xây cẩn thận. Chúng tôi ra công tàn phá. Hết hòn gạch nọ đến hòn gạch kia ném ra hai bên. Năm cái chum sành, miệng gắn « si- măng ». Gắn « si-măng » ! Thời ấy làm gì có « si-măng ». Tất các anh bẻ lại. Nhưng các anh tính, mê thì còn có cái gì là vô lý. Chúng tôi đập miệng chum ra. Tôi thọc tay xuống xúc lên. Đây hai bàn tay toàn vàng, vàng điệp, vàng cốm, vàng thoi, vàng xanh, vàng đỏ, loé cả mắt. Thật những người được số độc đắc vị tất đã sung sướng bằng tôi lúc ấy.

Rồi thỉnh thoảng lại có đêm tôi nằm mê. Và giấc mê

nào cũng do tự cái bia, tuy mỗi lần một khác.

Ban ngày, động lúc nào rồi, ngồi một mình là tôi lại nghĩ đến tấm bia, đến cửa cái chôn dưới ấy. Óc mộng tưởng tôi xây dựng thành những lâu đài lộng lẫy trong khu vườn bao la rậm rạp như rừng. Các thứ cây lá, các thứ chim ca, những hồ sen, nước trong vắt, in hình những thiếu nữ đẹp như mộng, đến ngoạn cảnh. Không một thứ gì quý, đẹp mà không có trong mộng tưởng xây đắp quanh tấm bia thần bí. Như thế kể cũng thú, nhưng mà tôi đã thơ thần, bỏ cả công cả việc vì nó, và, nếu cứ thế mãi, tôi sẽ thành điên hay lẫn thần mất.

Một hôm, trong mộng vàng, tôi chợt nhớ tới Kim, một người bạn làm ở Hà-nội, trong một xưởng máy. Kim khi trước đã cùng ông Vĩnh đi tìm vàng ở tận giáp Lào. Hình như anh có cả máy thử vàng.

Không ngần ngại, tôi xếp hành lý đi ngay. Đến nơi vào khoảng mười hai giờ trưa. Hai vợ chồng và con cái đương ăn cơm, vội buông đũa bát xuống, chào.

Kim mừng rỡ : « Ấy kìa ! Anh Biềng ! Lên chơi hay có việc gì thế ? »

Tôi chưa muốn nói rõ ý định, trả lời thoái thác :

- Tôi lên mua vài thứ cần dùng.

- Cơm chưa ? Ngồi đây ăn cơm với chúng tôi một thể. Chỗ anh em cả ấy mà.

Vợ nhìn chồng tỏ ý không bằng lòng, lăm bằm trong mồm : « Cơm nước có gì, mà... »

Kim ngắt lời :

- Có thì để mua thêm giò, chả, sà sếu, nữa chứ.

Rồi quay ra vui cười nói với tôi :

- Sà sếu đất Hà thành ngon lắm cơ, anh ạ.

Tôi đặt va-li xuống ghế và nói :

- Cảm ơn anh chị. Tôi ăn cơm rồi mới đi. Trên xe lại điểm tâm thêm chiếc bánh tây với « ba-tê », vẫn còn no lắm. Để chiều nay sẽ quấy quả anh chị. Bây giờ thì hãy xin anh chị bảo người nhà cho thau nước rửa mặt. Đi đường bụi lắm.

Chồng nhìn vợ, vợ nhìn chồng. Hai người cùng nhìn nhau tùm tùm cười. Chồng động đậy sắp đứng lên. Vợ đứng lên trước, đi ra sân và quay lại nói chữa thẹn :

- Nhà có thắng nhỏ lại ôm, xin về...

Chồng tiếp luôn :

- Thành thử việc gì cũng phải sai năm ngón.

Vợ vui cười :

- Lấy thau thì phải sai mười ngón chứ lý.

Tôi vội vàng đi theo, vừa đi, vừa nói :

- Ấy chết, chị đề tôi.

Chồng giơ tay ra hiệu cản lại :

- Được ! Anh cứ để mặc nhà tôi. Chúng tôi làm lấy đã quen.

Tôi nói đùa :

- Thế là anh chị làm hộ tôi chứ có phải làm lấy đâu.

Ăn xong, Kim cầm thau ra bể rửa mặt rồi giở vào lấy thanh tre trong ngăn kéo, ghé răng tước lấy một ít làm tăm xỉa. Đoạn anh ngồi đối diện với tôi, vừa rót nước vào hai chén, vừa hỏi thăm :

- Thế nào ? Tiên sinh làm ăn độ này có khá không ?
Lúa vẫn mọc đều, trâu vẫn ăn cỏ đầy chứ ?

Tôi cười nhạt :

- Nông gia thì lúc nào cũng vậy, cứ như thường, như thường. Còn anh ?

Kim trả lời, miệng vẫn ngậm tăm :

- Tôi thì bận lắm, vất vả chứ chả được nhàn như anh.

- Anh tính, nhàn cư vi bất thiện chứ hay hóm gì. Tôi chỉ mong được bận như anh.

Những mẫu chuyện lật vặt vô vị kéo dài. Một lần tôi đã định ngỏ lời rồi rút rè lại thôi, nghĩ bụng : « Để đến chiều uống vài chén rượu nóng mặt rồi hãy nói cho dễ dàng. » Sau cùng không thể nhịn được, tôi bèn đem chuyện cái bia ra kể, vừa kể vừa đắm đắm nhìn Kim, chỉ sợ Kim chế riễu.

Thấy Kim chăm chú nghe, thỉnh thoảng thêm một câu tỏ ra câu chuyện can hệ, tôi bạo dạn, kể một mạch lưu loát chứ không ngưng ngập như lúc đầu nữa. Tôi đem cả ý tưởng cổ Thi lẫn ý tưởng của tôi ra bàn.

Kim gật gù : « Anh nghĩ phải, có thể lắm. »

Tôi vui mừng : « Anh cũng nghĩ thế ? »

- Vâng, chắc là thế. Có thể lắm. Nay tôi vừa được nghỉ một tuần lễ vì nhà máy còn sửa chữa. Hôm nay bắt đầu là ngày nghỉ. Vậy mai tôi sẽ cùng về với anh. Chúng ta sẽ thực hành công việc tìm vàng.

Tôi hớn hờ :

- Chà ! Được thế thì còn nói gì nữa. Tôi cũng định lên rủ anh... Hình như ngày xưa anh có cái máy thử chỗ có

vàng thì phải.

- Chả cần. Tôi đã có cách thuôn rất công hiệu. Tôi lại có sẵn đạo bùa hộ thân xin được của một thầy phù thủy rất cao tay. Tôi đã mang nó theo khi tôi đi tìm vàng với ông Vĩnh vào những nơi ma thiêng có tiếng. Đạo bùa rất thần hiệu.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi về... Đến nhà, tôi cho người mời lý Rững, anh con bác tôi sang, cùng đi nhân thể. Vì lý Rững với lý Uông làng Bối-khe thân nhau lắm, mà công việc phải có Uông vào nữa mới chôi chẩy.

Đi qua nhà cố Thi, một khu rộng rãi, cây cối um tùm như cái trại. Tôi để ý tìm thửa vườn ngay cạnh cái ao và ngạc nhiên hỏi lý Rững : « Này bác, cái vườn chè đâu ?

Lý Rững cũng ngạc nhiên trả lời :

- Làm gì có vườn chè ?

- Vườn chè của cố Thi liền cạnh cái chỗ có tấm bia ấy mà !

- À, thế thì đây. (Vừa nói Rững vừa chỉ tay ra thửa ruộng khô mới gặt, hãy còn gốc rạ...) Phải, trước nó là vườn chè. Từ ngày cố đi vắng xa, giao cho cháu là chánh hội trông nom. Hắn lấy có chè cối quả, bèn chặt đi, lập thành vườn giống thuốc và cấy lúa nếp.

Chúng tôi đi thẳng đến nhà lý Uông. Anh em bàn bạc hồi lâu, lý Uông bằng lòng giúp một tay. Lúc giờ về gần tới nhà cố Thi... Bỗng một người đàn ông ăn vận quần áo cộc nâu từ mạn đê xuống, đi trên con đường ngang qua con đường chúng tôi đang đi, rẽ về phía vườn rồi... biến mất. Chắc các anh không tin là ma. Tôi cũng vậy. Nhưng mà lạ lắm các anh ạ. Nếu một mình tôi trông thấy thì còn có thể cho là quáng mắt, trông lầm. Đằng này cả ba chúng tôi cùng trông thấy rõ ràng. Lúc ấy vào độ bốn, năm giờ chiều, còn sáng sủa hẵn hoi. Thửa vườn cách nhà cố bởi cái ao. Cổng nhà cố lại ở phía bên kia và lũy tre bao bọc đầy khít không một con gà chui lọt. Một điều lạ nữa là ba hôm liền. chúng tôi cùng thấy người đàn ông bí mật ấy ở mạn đê đi xuống và cùng rẽ vào thửa vườn biến mất. Đã một lần, tôi ngỏ lời với Kim « Muốn ma thật, anh ạ »

- Thần giữ của đấy. Nhưng không sợ, chúng ta đã có đạo bùa hộ thân.

Anh nói và nét mặt anh điềm tĩnh, khiến tôi và cả bọn cùng vững dạ.

Người hay ma, hãy gác bỏ nó đấy mà kể đến cuộc hành động của chúng tôi đã.

Tối hôm ấy chúng tôi bắt đầu khởi sự. Mỗi người cầm một thanh sắt dài hơn thước tây và tròn như chiếc

đũa, một đầu đánh nhọn như chiếc dùi.

Trời tối đen kịt, lại điểm thêm mưa phùn. Gió bắc thổi từng cơn lạnh giá buốt thịt. Vì độ ẩm vào khoảng đầu tháng chạp. Chúng tôi đã mặc nhiều áo và khoác áo toì len ra ngoài, kéo cổ áo trùm kín mặt mà vẫn còn rét run cầm cập.

Không biết có phải vì một mùi tanh tanh phảng phất theo luồng gió hất vào mũi hay nghĩ đến người bí mật lúc ban chiều mà tôi cảm thấy ghê rợn như sắp tới một bãi chiến trường, sau một ngày hỗn chiến.

Đương sẵn cái cảm giác ghê rợn ấy thì ngay trước mặt chúng tôi, về phía vườn, bỗng lóe một tia sáng rực, sáng xanh như ánh sáng ngọn đèn « măng-sông » Không ai bảo ai, chúng tôi cùng dừng bước một loạt như một cái máy hãm. Xem chừng anh nào cũng muốn thoái, tuy không nói ra.

- Nó chỉ dọa nạt để cánh mình bỏ dở công việc đấy thôi. Đã có đạo bùa tối linh, chẳng can chi mà sợ. Các anh cứ theo tôi. Nói rồi, Kim mạnh bạo, dẫn bước lên trước đi tiên phong.

Không thể lùi, bắt buộc dĩ tôi phải len vào giữa Rững và Ưông... Chúng tôi đã đến thửa đất chứa vàng và bắt đầu vào công việc.

Theo cách của Kim thì bốn anh đứng bốn góc, cách xa nhau độ năm mươi phân. Chúng tôi cố hết sức thuôn. Nhưng thanh sắt hình như to bản quá, chúng tôi thuôn rất chậm. Hàng giờ mà xem chừng chẳng được mấy.

Lúc chúng tôi nghỉ tay, ra về thì giờ còn mờ mờ tối. Giữa đường, chúng tôi gặp xã Sẹo vừa đi ngất ngưỡng về phía chúng tôi vừa nói lè nhè giọng rượu : « Các ông đi đâu mà mỗi ông cầm một cái dùi tướng ketchup thế kia! ... À tôi biết các ông đi đâu rồi. Cho tôi nhập bọn với nhé. »

Xã Sẹo là một tên gan góc, liều mạng có tiếng trong làng. Rượu, một khi đã nốc hàng chai thì chẳng một việc nguy hiểm nào hấn từ.

Năm kia, bệnh dịch tả lan khắp làng. dữ dội quả đến nỗi không ai dám đến chơi nhà ai, khiến người chết không có người khiêng. Thế mà chỉ một chai rượu với một đùi thịt chó, hấn cùng với một vài anh em tảo tợn như hấn giúp sức dám đảm đang hết. Song ngoài những lúc ma men, hấn rất lý sì, ít nói, có thể cho là nhút nhát được.

Chúng tôi nhìn nhau, hỏi thăm ý kiến. Kim quả quyết nói : « Được ! Cứ cho hấn nhập bọn. Càng hay. Để những lúc khó khăn, đã có tay sai khiêng. Rồi quay bảo xã Sẹo :

- Vậy tối mai anh đến thăm ông Biềng nhé !

- Vâng, việc nguy hiểm đến đâu tôi cũng làm được.

Về tới nhà giời vẫn chưa sáng rõ. Chúng tôi chưa kịp cởi quần áo đi nằm thì nghe thấy bên hàng xóm, vợ lý Rững gọi ba hồn chín vía cái đĩ Tẹo, đứa gái mười tuổi, con thứ ba lý Rững. Chúng tôi hốt hoảng chạy sang. Con bé nằm thẳng cẳng trên giường, mắt trợn ngược, mép sùi bọt.

Vợ lý Rững chạy theo chúng tôi vào, vừa nói vừa thở : « Không biết làm sao... con bé... tự nhiên dẫy dựa... kêu u ú... rồi ra thế... các ông có... cách gì làm cho hồi lại không ? »

Kim thọc hai tay trong túi, rồi tất tả chạy về. Tôi sẵn có lọ dầu « nhị thiên », soa khắp mình mẩy, mặt mũi con bé khôn nạn. Kim đã chạy sang, tay cầm đạo bùa nhét xuống dưới đầu con bé. Một lát con bé tỉnh.

Kim đường hoàng như một đại tướng cầm quân, ngang nhiên nói : « Các anh đã thấy đạo bùa của tôi hiệu nghiệm là nhường nào chưa ? »

Hôm sau, tôi ngó ý muốn dùng những khúc giấy thép to thay vào những thanh sắt nặng nề. Vì tôi đã từng thấy lính đoan cầm những khúc giấy thép mài nhọn đầu, xiên một cách rất dễ dàng vào những bồ, những bị để ở trên

các toa xe lửa. Nói và thực hành ngay. Tôi cầm khúc thép xiên thử. Thấy kiến hiệu, cả bọn đều hoan nghênh ý kiến của tôi.

Đêm hôm sau, trời tạnh ráo, nhưng gió buốt hơn đêm trước nhiều. Thật là một đêm rét ngọt, rét thấu tận xương tủy. Trời đất, cảnh vật biến trong một màu đen đặc. Nhưng đom đóm, ma trời lập lòe, càng làm tôi thêm. Chúng tôi nhớ đường lối, đi mò, không dám dùng đèn đuốc, sợ lộ... thiên cơ. Nhưng đi được một thôi dài tôi mới hối hận. Vì đêm ấy đường xa vắng tanh vắng ngắt.

Ba bốn lần Kim nhâm lối. Lý Uông và Lý Rừng thuộc đường đi lên trước. Xã Sẹo say khướt đi sau cùng.

Chúng tôi sắp qua nhà cổ. Bỗng, trong yên lặng lạnh lẽo, một tiếng cú kêu. Tôi rùng rợn, tưởng như một linh hồn canh gác kho vàng bảo động cho thần giữ của biết trước để phòng bị. Không biết chừng thường có hàng trăm linh hồn thuộc dưới quyền sai khiến của thần, đã xếp thành đội ngũ để đối phó với chúng tôi cũng nên. Nghĩ vậy, người tôi run lên cầm cập mà chân vẫn phải bước đều. Lùi chậm lại, tôi sợ trượt như một tên lính lạc vào giữa quân thù, thà liều còn hơn,

Trời ơi ! Yên lặng quá. Không một tiếng ếch nhái, không một tiếng côn trùng. Một thế giới chết. Một thế

giới của một linh hồn, một âm ti trên dương gian.

Mọi đêm, ngồi xem sách dưới ánh đèn « măng sông», trong căn phòng tịch mịch, nhưng âm cúng và bình yên, tôi rất ghét tiếng chó sủa ngoài sân. Lúc này, tôi chỉ mong được tiếng chó sủa để có cái cảm giác rằng mình vẫn gần gũi với đời sống, chung quanh mình vẫn có những sinh vật...

- Đến rồi ! Bắt đầu làm việc đi, các anh.

Đây là lời Kim phát ra. Nghe thấy tiếng người, tôi mừng như vừa thoát khỏi nơi địa ngục.

Khôn ngoan, tôi đứng sát cạnh Kim, sát cạnh đạo bùa mà tôi cho là thần hiệu, đủ sức mạnh che chở.

Khúc giây thép có phần tốt hơn thanh sắt nhiều. Chúng tôi thuận rất dễ dàng nhanh chóng.

- Anh Kim ! Anh Kim !

Tôi gọi thầm, hai tay run lập cập, không cầm vững khúc thép.

- Cái gì ?

- Anh trông, trước mặt cánh mình...

Phía trước chúng tôi, hai con mắt xanh lè nhìn thẳng

vào chúng tôi. Một tiếng cú rùng rợn, lạnh lẽo như báo hiệu cho hai con mắt biết rằng : chúng nó đây !

- Anh Kim ! Anh Kim ơi ! Nó... nó lại gần.

Kim không nói, cầm hòn đất ném. Một tiếng huých. Hai con mắt biến mất. Tôi lại hôn, hỏi khê :

- Anh có biết là cái gì đấy không ?

- Một là ma, hai là mắt mèo. Dẫu sao thì mình cũng chẳng sợ. Đã có đạo bùa đây rồi.

- Anh thử soát lại xem có trong người không ?

Kim nóng làm việc cho chóng, nói gắt :

- Nó biến mất hay sao mà phải soát lại. Làm luôn đi.

-Anh cứ soát lại xem.

Tôi dai dẳng hỏi là muốn được nghe tiếng Kim nói và được biết chắc chắn có đạo bùa cho vững dạ.

- Đây rồi. Ở trong túi đây rồi. Làm luôn đi.

Bỗng Kim nói khê :

- Có lẽ đây rồi, các anh ạ. Tôi thuôn thấy vấp hai ba chỗ liền.

Chúng tôi xúm lại, ra sức thuôn chung quanh. Chỗ nào cũng tới già nửa khúc thép, ước hơn thước tây là kịch.

- Muốn phải rồi. Phải rồi.

Chúng tôi cùng nói một lúc. Kim nói :

- Đánh dấu lấy chỗ, để mai cứ đẩy mà đào. Gần sáng rồi, chúng ta về đi thôi. Anh Ưông nhớ sắp đủ mai, thường, cuộc. Giữ kín chớ để lộ, nhờ chánh hội nó biết thì rầy rà, hỏng hết đấy...

Sáng hôm sau, Kim, Rững và tôi đương bàn bạc công việc định liệu ban tối, thì xã Sẹo ở đâu hót hơ hót hải chạy vào. Chẳng chào ai, hấn chỉ cúi xuống tìm vật gì dưới gầm bọc. Ý chừng hấn tìm guốc, vì đêm hôm trước vội về, hấn bỏ quên đôi guốc ở nhà tôi. Nhưng không phải. Đôi guốc để ngay trước mặt mà không thấy hấn sờ vào.

Hấn đứng dậy, ngo ngác nhìn, lùi mấy bước rồi, đánh huých một cái, hấn nằm vật trên bọc, hai tay thui, hai chân đập lên quăng không như đương chống cự với ai... Bỗng hai cánh tay hấn vịn đi vịn lại như bị người nắm chặt, cổ giằng ra... Hai cánh tay yếu dần dần, đặt phịch xuống bọc, hai bàn tay nắm chặt, co lên, hai cẳng chân gập lại, mấy ngón chân bấm chặt xuống bọc, mình quần

quai như cổ vật một sức mạnh, một vật vô hình đè trên. Được một lát, hần kiệt sức. Đôi mắt trợn ngược, mồm kêu u ú như người bị bóp cổ.

Kim chạy lại, nhắc đầu hần lên, nhét đạo bùa xuống dưới chiếu. Tức thì hần thở mạnh mấy cái, rồi nhắm mắt ngủ thiếp đi.

Kim giờ lại chỗ ngồi, tùm tùm cười, nói : « Thằng cha bị ma làm. Các anh xem, đạo bùa có thần hiệu không ? »

Vừa lúc ấy, vợ xã Sẹo tất tả chạy vào, hỏi : « Các ông, thầy cháu có đây không ?... À, kia rồi. Giời ơi ! Tôi sợ quá, các ông ạ. Rồi chị ta kể một mạch : Sáng hôm nay, tôi thức dậy, không thấy nhà tôi đâu. Tôi đã tưởng nhà tôi dậy trước. Nhìn ra chiếc phản bên kia, tôi lấy làm lạ, thấy chai rượu vẫn còn nguyên. Mọi ngày, sáng nào dậy, nhà tôi cũng phải điếm tâm bằng hai chén lớn đầy rồi làm việc gì mới làm. Tôi cúi xuống, thấy nhà tôi nằm sóng soài dưới chân giường, bọt sùi hai bên mép. Lay mãi mới tỉnh. Tôi chưa kịp hỏi han thì nhà tôi đã nhón nhác, chạy vụt ra cửa. Nhà tôi có làm sao không, các ông ? »

Tôi sợ lộ chuyện, vội nói : « Được, chị cứ về. Chỉ vì hôm qua, chúng tôi ép uống nhiều rượu quá, mệt đấy thôi, chẳng làm sao cả. »

Vợ hấn về. Được một lát, chúng tôi đánh thức hấn dậy. Hấn ngồi xồm, ngơ ngác nhìn, nét mặt như còn nhiễm vẻ sợ hãi.

Người nhà bung com, đặt ngay cạnh hấn ngồi. Tôi cầm chai rượu đưa lên tận mặt hấn : « Rượu cúc đây. Uống một chén bằng ba, bốn chén. »

Hấn chẳng nói chẳng rằng, chẳng để ý đến chén rượu tôi rót để cạnh mâm, ngay trước mặt hấn. Hấn gấp lia lia những món ăn, và nghiêng ngầu như một người nhịn đói hàng tuần lễ, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn trộm chúng tôi. Cặp mắt đỏ ngầu, lơ lảo như mắt... ma vậy.

Kim trợn mắt, ra oai hỏi đồng đạo :

- Mày là ma phải không ?

Hấn lắc đầu.

- Vậy là gì ?

- Thần.

- Thần. Thần giữ của, phải không ?

Hấn gật rồi cúi gầm xuống và luồn ba bát. Đoạn hấn đặt đũa bát xuống mâm, ngồi chồm chồm, mắt thao láo nhìn chúng tôi.

Tôi gọi người nhà cất mâm. Kim hỏi tiếp :

- Tên mày là gì ?

Hắn không trả lời. Kim nhắc lại :

- Tên mày là gì ? Nói mau, nếu không chúng ta sẽ trị.

Kim quay sang bảo tôi :

- Anh lấy cho tôi vài cái roi dâu.

Hắn điềm nhiên nhìn chúng tôi và thông thả nói nhát gừng :

- Mày... tao... Các ông khinh người quá. Chẳng gì... tôi cũng là thần... Trị... Tôi phạm tội gì mà các ông trị... Trị thế nào được tôi.

Kim đầu dụ :

- Vậy thì thần. Tên thần là gì ?

- Ừ. có thể chứ... Liễu-Đông. Tên thần là Liễu-Đông.

- Liễu-Đông... Họ gì ?

- Liễu-Đông.

- Tên Liễu-Đông họ cũng Liễu-Đông, vô lý ! Thần nói dối.

Hắn cười gằn :

- Thế thì các ông còn xoàng lắm. Các ông hãy chấp chữ Liễu với chữ Đông, các ông sẽ thấy họ thần. Vừa nói hắn vừa lấy ngón tay trỏ viết xuống bụi chữ.

Chúng tôi đồng thanh nói : « À, chữ trần. » Kim hỏi :

- Trần-Liễu-Đông ?

Hắn gật.

- Ở xứ nào ?

- Xứ nào thì các ông đã biết, còn hỏi thần làm gì.

- Thần giữ của cho ai ?

- Cho một người khách ở Quảng-Đông.

- Người ấy còn không ?

- Mất đã lâu rồi.

- Con cháu ?

- Chết cả rồi.

- Vậy của ấy hiện vô chủ ?

Hắn gật và nhếch mép cười.

- Của ước độ bao nhiêu ?

- Nhiều lắm. Bốn năm chum toàn vàng.

Chúng tôi nhìn nhau. Cặp mắt Rững sáng lên vì thèm. Kim hỏi tiếp :

- Vậy bây giờ thân cho chúng tôi kho của ấy nhé.

Hắn lắc đầu, tùm tùm cười. Rững dỗ ngọt :

- Cho chúng tôi rồi chúng tôi sẽ lập miếu thờ.

- Thì các ông hãy lập miếu thờ đi đã.

Nghĩ một lát, hắn nói tiếp, giọng căm hờn :

- Các ông không biết. Ngày xưa, chỗ tôi ở, có bốn, năm cái miếu. Tôi đã đánh bạt thân miếu đi, chiếm lấy... Đến khi bọn bên giáo nhà các ông nổi lên, liền phá hết, khiến tôi trở vợ, phải tha phương cầu thực trong các vùng lân cận. Tôi còn oán bọn các ông lắm... Thôi, chào các ông, tôi về đây.

Nói đến đây, xã Sẹo nằm vật xuống bực như người thẳng đồng.

Rững tỏ vẻ thất vọng, Kim nói :

- Nó chẳng cho cũng chẳng được. Chúng mình cứ tìm rồi cũng phải thấy. Tối đến, tôi bắt đầu sợ, tìm có thoái :

- Này, anh Kim hay ta hãy kêu thần lên, dụ cho thần bằng lòng đi đã.

- Anh gàn dở lắm. Thế ngộ thần không bằng lòng thì mình chịu bỏ à ? Cứ đi là hơn.

Bất đắc dĩ, tôi phải theo lệnh. Tối hôm ấy không thấy xã Sẹo đến. Hấn sợ chuồn chẳng ? Nghĩ vậy, tôi càng sợ, phải đem theo chiếc đèn « chai », mặc dầu Kim tỏ ý không bằng lòng...

Đến nơi đã thấy lý Uông cầm mai, xẻng, cuốc, đứng đợi.

Uông muốn tắt đèn cho khỏi lộ. Tôi nhất định không nghe, lấy cớ soi cho dễ đào.

Kim bực mình, nói : « Vậy thì anh phải cầm đèn đứng gần lối đi. Thấy động, phải tắt vội để báo hiệu. »

Tôi đùn việc cầm đèn cho lý Uông để được đứng liền cạnh Kim và để làm việc luôn tay cho khỏi nghĩ đến sợ. Tuy vậy mà lúc nào tôi cũng cảm thấy như có vật gì ở sau, chỉ chực chồm lấy tôi bóp cổ. Chốc chốc tôi lại ngừng tay quay lại đằng sau, nhìn.

Kim cúi tiết, gắt : « Làm uể oải như thế thì đến sáng vị tất đã xong... Thôi, anh ra cầm đèn để Uông lại đào thay. » Giọng anh nói quả quyết, rắn rỏi như một vị đại

úy cầm quân, khiến tôi phải tuân lệnh ngay.

Yên lặng, Trời ơi ! Sao mà yên lặng thế !... Bỗng hai tiếng khách khách tiếp liền với tiếng vù vù của đôi cánh đập trên không. Tôi giật bắn người, suýt bỏ rơi cả đèn. Không biết chừng, có lẽ thần giữ của cười chế nhạo chúng tôi.

Tôi thấy tôi trở trời quá. Ánh sáng lờ mờ của chiếc đèn « chai » càng làm cho chung quanh thêm vẻ lạnh lẽo, quạnh hiu huyền bí. Trong chỗ tranh sáng, tranh tối, như có vật gì lù lù sắp tiến đến chỗ tôi. Tôi tưởng chừng bị vây bọc trong đám linh hồn dưới quyền sai khiến của thần.

- Ô hay ! Việc anh canh gác ở gần lối đi cơ mà ! Đèn đây làm gì ? (giọng Kim có vẻ ngạc nhiên và bất ưng ý.)

- Để soi cho các anh dễ làm việc. Vả lại, đêm khuya lắm rồi, còn có ai đi lại nữa mà sợ lộ.

Có lẽ Rững thâm biết tôi sợ, đỡ lời giúp tôi :

- Phải đấy, các anh ạ. Có đèn sáng xem chừng dễ đào hơn.

Kim yên lặng. Và tôi đứng sát mãi vào anh. Hình như thấy đào mãi vẫn chưa tới đích, Kim nóng ruột thì phải. Anh bỏ mai lấy khúc thép, thuận. Dưới ánh đèn lờ mờ

nét mặt anh hiện ra vẻ băn khoăn, tức tối : « Còn dây lắm, các anh ạ. Phải hết sức đào nhanh lên mới được. Anh Biềng cũng để đèn đây, vào hộ một tay. Mau lên không sáng đến nơi rồi ! »

Mọi người hì hục đào gập. Tiếng cuốc bốp, tiếng những tảng đất bị mai, xẻng hất ra hai bên rơi xuống huỳnh huých. Chúng tôi mài miệt, quên cả rét... Cạch, cạch... Máy tiếng cuốc rần chắc như vấp phải vật gì.

- Vừa vừa chứ ! Nhỡ va phải mặt bia.

Đó là tiếng Kim nói. Cũng như Kim, chúng tôi cùng nghĩ tới cái bia thần bí.

Chúng tôi đã đào tới đích.

- Anh Biềng ! Anh Biềng ! Anh cầm đèn soi gần lại xem. (Kim vừa nói vừa cúi rạp xuống, Mọi người cúi xuống theo). Kim ngạc nhiên nói tiếp : Quái ! Muốn chùng không phải bia, các anh ạ. Bia gì lại dài và mặt hình mai luyện thể này.

Tôi nghĩ thầm và chắc anh nào lúc ấy cũng nghĩ như tôi : « Hòm chứa vàng, Hòm vàng. » Mong của tôi sắp thành sự thực.

Yên lặng, chúng tôi chăm chú đào bốn chung quanh. Rừng thọc lưỡi mai cố bẫy nắp hòm lên. Lòng tôi hồi

hộp như khi tôi đứng trước cuộc mở số. Lúc ấy, dầu có thần giữ của đứng sau lưng, tôi cũng bất biết.

Kim và Uông góp sức bấy mãi, cái nắp mới chịu mở tung ra... Một dịp thở dài... Thất vọng. Đáy hòm tối mò và... rỗng tuếch.

Giời sáng rõ dần. Ánh đèn « chai » mờ đi Trên đường đã thấy lác đác một vài canh điền dắt trâu, vác cây ra đồng. Sợ lộ, chúng tôi hấp tấp khiêng nắp hòm đẩy lại rồi vút vội vút vàng những hòn đất lên, không kịp nện phẳng xuống như cũ. Đoạn chúng tôi thơ thần giờ về. Mặt anh nào anh ấy buồn thiu. Tuy vậy, chúng tôi chưa đến nỗi thất vọng hẳn. Vì chưa phải vật chúng tôi định tìm. Vật chúng tôi tìm là cái bia. Cái bia, đối với chúng tôi, mới là vật quan hệ, mới là giường mối đưa chúng tôi đến kho vàng...

Trưa hôm sau, công việc chúng tôi bị bại lộ. Tiếng quan về khám xét khu vườn lan đến tai chúng tôi.

Chắc hẳn có người báo. Quả thật. Người nhà tôi cho đi dò tin tức về nói rằng : Buổi sáng, chánh hội, mà tôi cho là thần giữ của, đã dun dũi, đi thăm đồng, thấy một góc vườn bị đào bới lộn. Hẳn lại gần và thấy một khúc giây thép của người đào trộm bỏ quên. Lập tức hẳn đi báo quan.

Hôm sau nữa, lý Ông bị đòi hỏi. Vì con gái hắn đi khoe với lũ trẻ hàng xóm rằng : thầy nó bắt được hũ vàng.

Quan huyện cho gọi cả con bé lên hỏi : Thầy mày bắt được hũ vàng to bằng nào ? » Bằng ngần này. (Vừa nói con bé vừa giơ hai tay khoanh lên trên không, rộng ước chừng bằng cái thúng.)

Quan huyện cười :

- Mày làm thế thì còn ai biết to bằng bao nhiêu. Về xuống đất xem nào.

Con bé ngồi xuống vẽ một cái hình bé bằng lọ mực. Quan huyện hỏi vặn. Con bé trả lời loanh quanh, chẳng đâu vào đâu, Quan phát gắt, thị oai : « Ả con này man trá, giấu quanh. Lính đâu ! Đem mà... » Quan chưa nói hết câu, con bé đã òa lên khóc. Thế là cuộc chất vấn tan. Nhưng lý Ông, cha con bé, bị giam trong trại.

Tôi sợ lỵ đến Kim, đã giục anh giở về Hà nội. Cách hôm sau nữa lại đến lượt lý Rững bị đòi hỏi. Chắc chắn thế nào cũng đến lượt tôi, nên tôi đã liệu từ trước làm đơn gửi lên quan sứ ngay hôm Ông bị giam. Trong đơn, tôi thú thực định đào, tìm của chôn, nhưng thực chỉ thấy cái hòm không. Chưa nhìn rõ hình thể cái hòm, tôi cũng cứ tả bịa ra cho nó lạ, cốt để gợi tính tò mò của

quan sứ. Tôi đã đạt tới mục đích. Quan sứ vừa nhận được đơn của tôi, liền về huyện. Rồi cùng quan huyện, Uông, Rững và tôi đến tận thửa vườn xem xét.

Muội tên phu hì hục đào và xúm vào khiêng cái hòm lên mặt đất.

Không phải cái hòm. Nó là cái quan tài về đời cổ. Nắp đây hình mai luyện, chạm chỗ tinh vi. Hai đầu khắc lối chữ triện không ai đọc được. Cho mở nắp ra. Bên trong không một dấu vết có thể tang chứng rằng : có vàng chứa. Duy chỉ có vết in hình bầy đồng trình cổ, đặt theo kiểu thất tinh, nét chữ lặn xuống hầy còn rõ rệt. Cùng một thứ chữ như những chữ ở hai đầu quan tài.

Không thấy gì khả nghi, quan sứ cho rửa sạch quan tài rồi cho chở lên trường bác cổ khảo cứu.

Lý Uông, lý Rững đều được tha về. Và cuộc tìm vàng của chúng tôi bắt đầu hoãn từ đây.

Nửa tháng sau, trong khi tôi quên bằng cái bia lần cuộc tìm vàng, thì một buổi sớm, tôi nghe thấy đồn : Xã Sẹo chết đuối, nổi bênh trên mặt giếng, cạnh chùa. Tôi giật mình kinh hoảng rùng rợn cả người.

Dân làng cho là xã Sẹo say rượu quá, đêm đi loạng choạng, ngã xuống mà không ai biết. Chắc là thế. Nhưng tôi lại nghĩ khác. Tôi cho là thần Liễu-Đông đã dun rủi

hắn đến cái giếng để dìm chết.

Trí tôi bắt đầu rối loạn. Không mấy lúc là tôi không nghĩ đến thần Liễu-Đông, đến nụ cười hung ác của hắn.

Tôi chưa hết sợ về cái chết của xã Sẹo thì lại một tin dữ dội đưa đến : lý Uông làng Bối-khê chết.

Lý Uông chết ! Lạ thật ! Cùng một bọn. Thôi, chắc lại thần Liễu-Đông. Thần Liễu-Đông, cái tên tôi nghe sao mà nó ghê rợn thế ! Nghĩ đến lúc nào, tôi rùng mình, tái mặt.

Ba hôm liền tôi chỉ nuốt cháo. Mồm tôi nhạt nhẽo, đắng như bồ hòn. Tôi mệt lả, tinh thần bạc nhược, nhưng trí vẫn sáng suốt để nghĩ đến thần Liễu-Đông, đến sự trừng phạt ghê gớm của nó...

Cái... Cái gì thế ? Tiếng ai khóc thế ?

Vợ lý Rững ở ngoài bước vào vừa khóc vừa kể : « Chú ơi ! Chú sang mà xem... Nhà tôi làm sao ấy... Tôi sợ quá. Ông lang bảo nhà tôi bị thương hàn, nóng quá, phát mê, nói sảng... Nhưng mà tôi trông mắt nhà tôi trợn trừng, thao láo như mắt ma ấy, tôi sợ quá, chú ạ. Chú sang với tôi. »

Đầu óc tôi choáng váng. Tôi chẳng nghe thấy gì nữa. Người tôi như cái xác bị lôi kéo, nhưng mắt tôi còn trông

thấy rõ ràng : lý Rững ngồi chồm chồm trên giường bệnh. Thấy tôi đến Rững lùi, lùi mãi vào tận sát vách, mồm kêu thất thanh « Trời ơi ! Tôi van ông. Tôi lạy ông, ông tha tôi. Tôi không phải là tay khởi xướng...»

Tôi khiếp sợ, lùi ra. Lý Rững nằm bò trên giường, với tay ra, kêu thảm thiết : Trời ơi ! Có ông bà cứu tôi không ? Nó... nó cướp mất ba vía của tôi rồi. Tôi chết mất ! Kêu đến đây, Rững nằm sổng soài; bất tỉnh.

Hai hôm sau, Rững tắt thở.

Trời ơi ! Còn tôi, còn tôi nữa, chẳng chóng thì chầy, rồi cũng đến vào tay thần Liễu-Đông mất thôi !

Chợt nhớ tới Kim, tới đạo bùa thần hiệu, tôi vội vàng xếp hành lý đi liền, mặc dầu người tôi đang ốm gần liệt giường.

Đến nơi, tôi gõ cửa. Một người lạ mặt ra mở. Tôi ngạc nhiên, hỏi thăm Kim. Người kia cũng ngạc nhiên trả lời : « Ông không xem nhật trình à ? Ông Kim vừa bị máy nghiền chết. »

Tôi tái mặt, hỏi thăm gia quyến người thiệt mạng. Người lạ lắc đầu không biết. Tôi đành đi lang thang trong các phố rồi thất vọng vác xác giở về đợi chết...

MA !

Thủa nhỏ, tôi tin cả ma lẫn quỷ. Quỷ, theo trí tưởng tượng của tôi, là những quân đầu trâu mặt ngựa, hung ác vô ngần, có những cánh tay nổi đầy bắp thịt rắn như sắt, và những bàn tay gân guốc cầm những kìm để cặp lưỡi, vặn răng, những bàn vả, những búa rìu, những cưa để bổ sẻ tội nhân. Tôi liền tưởng đến những hình cụ ghê gớm như vạc dầu, cột đồng lửa... đến cả những cầu vòng với đàn chó ngao đứng chực sẵn dưới. Những hình ảnh kỳ quái, ghê sợ ấy không phải tự óc non nớt của tôi nghĩ ra, mà do ở những bức tranh treo ở chùa Huệ, mỗi khi có đám chay lập đàn phá ngục.

Còn ma thì mỗi lúc tôi tưởng tượng một khác, tùy theo câu chuyện người ta kể cho tôi nghe. Có lúc tôi tưởng tượng ra một người con gái xinh đẹp như một nàng tiên. Có lúc là một vị ác thần với nét mặt thay đổi đủ các hình kỳ quái, dữ tợn.

Những sự tưởng tượng ấy in sâu mãi vào óc tôi và nung đúc tôi thành một đứa trẻ nhút nhát. Nhưng tính tự đắc của tôi lại rất mãnh liệt, có khi làm át hẳn tính nhút nhát của tôi đi.

Tôi còn nhớ, một đêm tối trời và giá lạnh, anh tôi kể xong một chuyện ma. Rồi muốn thử xem trong chúng tôi có đứa nào bạo, anh tôi đặt ra một cuộc thi rất dạn

dị nhưng rất khó cho những tay nhút nhát. Cuộc thi như thế này : Ở tận cùng vườn có cây ngâu. Ai ra tận đấy, bẻ được cành ngâu cầm về, sẽ được cuộc.

Vừa nghe nói đến cây ngâu, tôi đã rùn cả người, rợn cả tóc gáy. Vì cây ngâu không cách cây sung mọc trên bờ ao mấy. Và cây sung đã nổi tiếng sẵn ma.

Chúng tôi nhìn nhau. Xem chừng anh nào cũng muốn thi tài, song chẳng một anh nào dám nhúc nhích... Bỗng một anh ló đầu ra khỏi cửa rồi lại thụt vào ngay, lè lưỡi, trợn mắt, tỏ vẻ sợ hãi.

Sách, người anh họ đã lớn, đứng cạnh phỉnh tôi : « Ai chứ Tíu thì bạo lắm. Đâu nó còn đi được nữa là từ đây đến cây ngâu. »

Anh tôi nói khích :

- Có, các vàng cũng đồ dám.

Lòng tự đắc của tôi bỗng sôi nổi. Mặt tôi nóng bừng vì cơn tức khí. Không nghĩ ngợi, tôi chạy vụt ra sân, bước mạnh bạo vào trong vườn.

Trời tối đen như mực. Tôi đâm choạng vào các bụi cây. Luống cuống, quên cả lối, mò mãi chẳng tìm thấy cây ngâu. Trở về không thì trễ quá. Anh em còn ai cho mình là bạo nữa. Họ sẽ thi nhau chế riễu mình. Lòng tự

đắc bắt tôi tìm cho được cây ngâu, dù lúc ấy trí tôi rối loạn, chân tay tôi bủn rủn và quả tim tôi đập như trống ngũ liên. Vừa đi vừa sờ soạng, tôi lần ra tận gốc sung mà không biết. Sờ đến cái da sù sì của nó, tôi giật mình, lạnh. toát cả người.

May mà lúc ấy yên gió. Không một quả sung nào rụng, không một con ếch, con nhái nào nhảy xuống ao. Thật, chỉ thêm một tiếng tõm, không biết tôi sẽ trở nên thế nào ?

Tôi bước giở lại, mồm luôn luôn đọc hai câu chữ nho : « Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng. » Thường tôi vẫn thấy nói : ma bao giờ cũng sợ giới, sợ thần thánh, nên lúc nào đi đêm, tôi cũng nhắm đọc hai câu ấy để làm bùa trừ tà.

Cây ngâu cách cây sung có vài bước. Tôi tìm được, bẻ vội một cành. Cái mừng đắc thắng làm cho lòng tôi bớt sợ. Song chỉ một loáng, đâu lại hoàn đấy. Cái sợ có phần tăng gấp bội.

Hai cẳng chân tôi như bị chuột rút. Tôi cố dần bước mà không sao dần lên được. Đằng sau tôi như có người đuổi theo, tiếng chân nện thình thịch, sắp sửa vồ lấy tôi. Lúc ấy, nếu có ai hét một tiếng, chắc tôi sẽ ngã sấp xuống, chết ngất đi.

Tôi được cuộc, được tiếng bạo nhất nhà, nhưng đã hao tổn bao nhiêu tinh thần. Từ đấy, nhiều phen tôi điều đứng khỏ sở về cái bạo bề ngoài. Còn gì khỏ bằng một anh tí hon nhất gan, làm ra mặt bạo. Động cơ cuộc thử thách là bắt buộc phải đến tôi. Nhất cũng được, nào ai cấm. Nhưng mà đã trót bạo mất rồi, không sao đủ can đảm mà thú thực mình nhất được nữa.

Một buổi chiều, tình cờ chúng tôi đứng trước một túp lều tranh bỏ hoang, ở sau trường học. Túp lều ấy, khi trước là nhà cai trường. Từ khi hấn chết, người kế chân hấn sợ, không dám ở. Họ đồn nhà ấy có ma.

Vì thế, chưa nói đến cuộc thi, tôi đã tái mặt, đau khổ như người sắp chịu tội. Trời ơi ! Ước gì anh tôi quên.

Tôi chưa kịp lủi thì anh tôi đã hợp lủ trở lại, thách vào trong túp lều, đánh nhau với ma.

Sách cũng có đấy. Hình như giờ sinh ra anh chỉ để làm khổ tôi. Anh quay ra nhìn tôi, nói : « Xem chừng ở đây lại chỉ có Tín là bạo nhất. Quỷ nó còn chả sợ nữa là ma. »

Tôi tìm cách thoái thác :

- Cuộc thi phải có thưởng.
- Một xu nhé ? - Anh tôi hỏi.

- Một xu thì chả bỏ.

Thế bao nhiêu ?

- Một hào.

Tôi chắc không khi nào anh tôi chịu bỏ ra một hào. Như thế cuộc thi sẽ hoãn và tôi cũng không đến nổi mất thể diện. Chẳng ngờ anh tôi nhận lời ngay.

Làm thế nào ? Đành nhắm mắt bước liều vậy. Trong nhà ba gian siêu vẹo, tường vách kín như bưng. Và hơi hám và ẩm thấp, lạnh lẽo, rùng rợn như một nhà hầm chứa... ma. Tôi chưa kịp định thần thì hàng chục con đom đóm lập lòe bay loạn xạ. Không biết anh tôi bắt bỏ vào từ lúc nào ? Con nào con ấy như sấn lại tôi, khiêu khích. Tôi liều mạng, đâm đá, quay tít đi mấy vòng, rồi chạy vội ra ngoài thở hồng hộc.

Anh tôi và lũ trẻ kêu lên : « Vừa mới thoảng một cái đã ra. Không được ! Thua cuộc rồi !

Tôi làm ra mặt giận dữ, vừa nói vừa lảng đi chỗ khác : « Tôi biết mà ! Các anh đánh lừa. »

Đêm ấy và luôn mấy đêm liền, tôi chiêm bao thấy toàn ma, và mắt con nào con ấy tròn xoe, đỏ như hòn than hồng. Con kéo tóc tôi, con lôi chân, con nắm tay, con ngồi lên ngực bóp cổ, con nhe răng nhọn như răng

bừa, con lè lưỡi dài lê thê. Tôi thất đờm, kêu ú ú, hai tay ôm chặt lấy anh tôi.

Thầy tôi cho vì âm hư huyết ráo, bốc thuốc cho tôi uống. Thầy tôi biết thuốc. Mẹ tôi vẫn mê tín, cho là bệnh nhà người, mua vàng hương đi lễ các đền miếu. Chỉ có tôi là biết rõ bệnh tôi, song vì lòng tự đắc quá mạnh, không khi nào tôi chịu thú...

Tôi đã lớn, đã theo học năm thứ nhất trường bảo hộ. Nhờ về khoa học tôi đã hiểu biết, đã quả quyết nói là không có ma. Và những ma chơi, những thần đất chấp chờn, đuổi nhau trên gò đồng, chỉ là chất lân tinh ở hồ, ao tù hãm bốc lên, gặp dưỡng khí trong khí giới, bùng cháy. Tôi hiểu biết thế. Nhưng tính tôi vẫn nhút nhát sợ ma, sợ quỷ như xưa.

Lắm đêm, ngồi một mình trong căn phòng vắng vẻ, đèn sáng hắt hoi, tôi thấy rờn rợn, tưởng như một vật ghê gớm một con ma ở trên nóc nhà sắp rơi phịch xuống, hoặc ở xó xỉnh hay trước mặt sắp hiện lên để hại tôi. Rồi thần hồn nát thần tính, một con chuột khê động dưới khe hòm, một tiếng cú vắng ngoài xa, cũng đủ làm cho tôi mất vía. Có khi chẳng cần phải có tiếng gì, tôi cũng sợ. Sau lưng tôi như có một quái vật đứng lù lù, chỉ chờ tôi quay cổ lại là trợn mắt, lè lưỡi ra nát. Thế là tôi phải rời căn phòng, tìm đến chỗ đông người. Nhiều khi, vắn tâm, tôi xấu hổ, tự bĩ sao mình lại nhát

gan đến thế. Hay là tính nhút nhát là một bệnh, một cổ bệnh không sao chữa được ? Vì hiện giờ, tôi thú thực, tôi vẫn còn tính nhút nhát, sợ ma, mặc dầu đầu óc suy sết của tôi tin rằng : người ta cũng như các sinh vật, một khi đã chết, xác thịt sẽ mục nát, tiêu tán đi. Còn linh hồn hoặc không có, hoặc có thì cũng khác nào như hơi thở, tan vào trong không, hòa lẫn với các linh hồn khác ; óc suy xét tôi tin rằng : không khi nào linh hồn lại hiện ra được thành người, thành quái vật để dọa nạt, hăm hại người sống.

Ngoài tính nhút nhát, tôi còn một tính xấu nữa, là tính dễ tin, dễ thay đổi ý tưởng. Vì thế mà khi xem xong quyển sách thuyết về chủ nghĩa vật chất « Matérialisme », tôi đã một dạo gần như bạo dạn, dám đi đêm một mình.

Đến khi xem hết bộ sách thần linh học « Spiritisme », đồng cốt học « médiumnisme », tôi lại trở lại nhút nhát quá trước.

Năm 19... tôi xin thôi giáo học, xoay về quê nhà làm ruộng. Tôi thường giao thiệp với những ông lý, ông khán quê mùa cục kịch. Trong câu chuyện xã giao, họ hay kể đến chuyện ma quỷ.

Vì họ mà tôi biết được trong làng tôi, ở xóm côi Hùng có con ma to lắm. Nó dám cả gan đe cả cụ thượng làng

tôi xuống cái rãnh sâu, ngay sát khóm tre cụ đồng Mô. Và những đêm giăng sông, nó uốn rạp một cành tre xuống mặt đường. Ai vô ý bước qua, nó sẽ bật cành tre lên, như bật cần câu để làm cho người ta ngã rạp đầu, vỡ sọ. Có khi nó dìm cả người ta xuống cái ao gần đấy.

Vì họ mà tôi biết được ở trước quán Ngói có con ma chẳng kém con ma Cõi-Hùng. Con này, chính ông quản Sâm đã gặp. Theo lời ông kể, một hôm, một hôm giăng sông, ông đi thăm bệnh cho ông chánh bá làng Đoài, liền cạnh làng tôi. Đến quán Ngói, ông đâm phải vật gì nhun nhũn, mềm mềm. Ông cúi xuống thấy một cái đầu lâu nhìn ông, nhe răng ra cười. Cái đầu lâu, trước còn bằng cái đầu thường, bỗng to ra bằng cái thủ lợn, rồi bằng cái thúng.

Ông vốn là người trọng đạo Gia-tô, lại bạo có tiếng. Sẵn gậy, ông giơ lên, vụt một cái thật mạnh, mồm nói: « Dê-su-ma, lạy chúa tôi ! » Cái đầu lâu biến mất, chỉ còn tro lại một hòn đất thó. Ông bước qua, chẳng tỏ chút sợ hãi. Phục thật !

Lại một ông, ông xã Chương, vừa mất năm ngoái. Một buổi chiều, sâm sâm tối, ông đi chợ Hạ-am về. Cũng đến quán Ngói, ông gặp một người con gái rất đẹp, cắp thúng đi ngược lên. Ông nói ghẹo :

« Cô đi đâu đấy ? Muốn lấy tớ thì về nhà với tớ. »

Cô con gái nhớn miệng cười, trả lời : « Vâng, mình cứ về trước, rồi em về. »

Xã Chương về đến nhà, vào buồng đã thấy người con gái ban nãy, ngồi trên giường, cười nói lả loi : « Mình về chậm thế ? Em về trước mình đã lâu, » Vừa nói vừa ôm ghì lấy xã Chương hôn. Cặp môi cô ta ép vào má xã Chương, lạnh buốt đến tận ruột. Từ đấy, đêm nào người con cũng hiện lên, nằm sát cạnh, lạnh như bùn.

Sau xã Chương phải cầu cứu đến ông pháp Rục, một thầy phù thủy cao tay có tiếng trong làng chữa chạy ba ngày ba đêm mới trừ được nó.

Vì họ, tôi còn biết ở cây đa chợ Cầm, lối đi ra trường học, có một con ma tuy không ghê gớm bằng hai con kia nhưng cũng đáng sợ. Con này là vong hồn một người đàn bà chết đuối ở giếng chùa, gần đấy. Đêm đến, nó thường ngồi chồm chồm trên cành đa, rũ tóc xuống tận đất. Người nào yếu bóng vía, nó sẽ giương đôi mắt xanh như mắt mèo và lưỡi dài lê thê ra nát.

Còn, còn nhiều chuyện ma. Tôi không tin. Tin sao được những chuyện hoang đường vô lý như thế, trừ phi là trẻ con mê tín như tôi khi xưa. Nhưng mà một đêm về... phải, về tháng chạp, hai mươi một tháng chạp, năm 19... Tôi còn nhớ rõ ràng như vừa mới hôm qua vậy.

Tôi đến ăn cơm đằng ông giáo. Ăn xong, chúng tôi bày ra đánh cờ. Mãi nghĩ nước cờ, lúc giờ ra về thì giò tôi mịt.

Ông giáo ở ngay trường. Trường có hai buồng : một buồng học và một buồng ông dùng làm chỗ ở. Trong buồng vền vện có hai chiếc giường thì một chiếc vợ chồng ông nằm còn một chiếc phần người vú với thằng bé lên ba, con ông. Thằng nhỏ ốm, xin phép về từ ban sáng. Tình hình như thế, ở lại bất tiện.

Bên ngoài, giò mưa phùn và tối đen như mực. Gió bắc thổi từng cơn mạnh. Không dùng được đèn đóm. May sao bà giáo, hôm rằm đi lễ, còn để lại một thê hương. Đành lấy hương thay đèn đóm vậy.

Hai vợ chồng ông giáo ái ngại hộ : « Giời mưa rét này mà về thì khí phiền cho anh lắm nhỉ. Hay là... »

Tôi vẫn không bỏ được tính tự đắc, vội trả lời, không kịp nghĩ : « Không sao. Từ đây về nhà tôi cũng gần ».

Cổ áo tôi che kín má, tôi mạnh bạo bước xuống sân, một tay thọc trong túi, một tay cầm nắm hương cháy, khua đi khua lại cho sáng.

Ông giáo đứng trên thềm nói ra : « Rét lắm nhỉ ! »

Trời ơi ! Nếu chỉ có rét.

Đôi cánh cửa trường vừa khép thì một chút mạnh bạo bám hờ lấy tôi, bay đi như một hơi thở. Khấp người tôi chỉ còn toàn sợ. Bao nhiêu sợi tóc trên đầu tôi dựng ngược cả lên. Hai hàm răng tôi thi nhau đập. Tay chân tôi run lật bật, cầm không chắc, đi không vững. Chốc chốc lại một khối đen hiện ra, lù lù tiến đến trước mặt tôi, làm tôi rùng mình lùi lại mấy bước.

Không bao giờ tôi thấy tôi cô độc, sợ hãi bằng lúc này. Người lạc vào trong rừng rậm, vừa đi vừa nghĩ đến ác thú còn hy vọng vào đôi mắt, vào tứ chi. Tôi chẳng còn hy vọng vào đâu. Trước mặt tôi, đằng sau tôi, chung quanh tôi, toàn bí mật của tôi đen. Một tiếng sào sạc, một tiếng rền rĩ của côn trùng, một tiếng cò ẹp dưới gót chân cũng đủ khiến tâm hồn tôi kinh hoảng. Không hiểu sao, lúc ấy lại là lúc tôi giàu tưởng tượng quá. Và toàn những tưởng tượng ghê gớm về huyền bí. Tiếng thông chùa Đông, theo luồng gió bắc đưa lại là những tiếng than khóc bi ai của những linh hồn đau khổ, đương quần quại dưới đáy mồ. Những đom đóm lập lòe trong tối là những con ma nghịch ngợm, từ dưới mả vụt lên để đi trêu ghẹo những người yếu bóng vía. Những tiếng kéo kẹt của những gốc tre già cọ vào nhau là những tiếng nghiêng răng của những con ma hung ác hay là những tiếng vông đưa của một bà nàng trên rừng xanh, núi thẳm... Rồi bao nhiêu những chuyện ma người ta kể cho tôi từ thuở nhỏ, bỗng trở lại trong trí nhớ tôi.

Bực quá. Tôi cố nghĩ sang chuyện khác để xua đuổi cái ý nghĩ vô lý ấy đi mà không sao được. Hình như nó xuất từ cảm giác yếu đuối của tôi và tâm linh tôi như không chịu theo cùng một điệu với trí xét đoán xác thực của tôi.

Không còn cách gì hơn, tôi bèn huýt sáo... Chợt có tiếng động trong bụi tre. Nghĩ đến rắn, tôi hoảng sợ, im bật. Rồi như một cuồng sĩ, tôi lảm nhảm nói triết lý một mình, cốt để khỏi nghĩ. Vô hiệu. Mồm tôi vẫn nói, mà ý nghĩ, mà cảm giác, nhất là cảm giác vẫn chìm đắm trong cái sợ vô biên..

- Thế là nghĩa lý gì ? Chậc, mặc kệ ! Cứ sợ đi. Có cần !... Liều !

Nói đoạn, tôi vút cả bó hương, vì bó hương với cái ánh sáng đỏ lòm của nó xem chừng cũng vô ích. Hai tay thọc trong túi áo tơ len, tôi vươn thẳng mình, ưỡn ngực, bước mạnh bạo để cố chống với cái sợ, chẳng khác lúc đứng trên phà, chống với những cơn gió rét buốt thịt.

Chưa kịp thấy công hiệu thì vài tiếng cú thất đảm kinh hồn báo trước tôi biết : tôi sắp đi đến cây đa chợ Cầm và cái giếng chùa gần đấy. Một cảm giác rùng rợn chuyển khắp người tôi, làm cho da thịt tôi tê tái, tứ chi và gân cốt tôi rời rạc, bủn rủn.

- Sắp đến cây đa rồi nhỉ. Chả còn mấy bước nữa đến nhà. Tôi nói to để gọi hết can đảm, nhưng chỉ tỏ làm cho tôi bối rối thêm.

Khó nghĩ quá. Tránh cây đa thì lại gần cái giếng. Mà tránh cái giếng thì...

Hú... ú... ú. . Một tiếng hú ngân dài, vang động cả một bầu tối đen, giầy đặc, vừa ai oán, vừa ghê rợn như tiếng... ma kêu. Tiếp liền sau, một chuỗi cười khanh khách... lạnh lẽo, khô sác, rắn chắc như hai ống xương gõ vào nhau. Đây là cảm giác của tôi về sau, khi nhớ lại, chứ lúc ấy hồn vía tôi bay đi đằng nào rồi, còn đâu.

Hai chân tôi như cái máy đưa xác thịt tôi về phía cây đa. Một vật gì lơ lửng trên không, lơ thơ như tóc, bay tạt vào mặt tôi. Chết rồi ! Tóc nó ! Hai chân tôi lùi lại. Tiếng hú ngân dài và tiếng cười khách khách vang lên lần nữa. Đầu tôi cúi về đằng trước, hai chân tôi chạy bán sống bán chết. Còn hai tay tôi làm gì ? Mắt tôi thấy gì ? Cảm giác, trí lự tôi thế nào ? Làm sao tôi chạy về được đến nhà mà không vấp ngã ? Tôi chịu, không sao biết được. Có lẽ vì hằng ngày tôi đi lại nhiều lần, nên chân tôi bước đã quen, như bước chân thầy bói vậy. Phải, chắc thế. Vì hai bên đường có ao, có ruộng, có rãnh, và đường có chỗ cong, chỗ rẽ vào nhà. Nếu không quen như thầy bói quen đường thì sao thoát khỏi ngã.

Bây giờ, nếu ai hỏi tôi : « Trong đời, anh bạo nhất lúc nào ? » Tôi sẽ quả quyết trả lời là lúc ấy. Lúc ấy, mặc dầu đạn bay bom nổ ngay trước mắt, tôi cũng chẳng coi vào đâu. Tôi coi như không, vì lẽ cố nhiên là tôi chẳng còn hồn vía, trí giác đâu nữa mà biết đề mà sợ. Có lẽ những tên lính hùng mạnh, đánh giáp lá cà, dẫn mình trong mưa đạn, cũng đến như tôi lúc ấy mà thôi.

Thấy tôi tái nhợt như cái xác, nhà tôi hốt hoảng nắm lấy cánh tay tôi hỏi dồn : « Chết chưa ! cậu làm sao thế ? Có việc gì thế, cậu ? » Rồi quay ra giục đầy tớ : Đóng ngay cổng lại, mày !

Tôi nằm vật xuống giường, nói như người thở hắt ra :

- Ma ! ma ! mợ ạ... Tôi gặp ma !

Cái giáng điệu với giọng nói thành thực ấy khiến nhà tôi không thể không tin được, dẫu ngày thường không bao giờ tôi ngỏ ý sợ ma, không bao giờ tôi nói đến chuyện ma hay chuyện gặp ma.

Tôi ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau tôi hoàn hồn, và tôi sau tôi bắt đầu sợ, sợ quá đến nỗi không lúc nào dám ngồi một mình, dám rời khỏi nhà, dám bén mảng xuống bếp. Lúc đi ngủ, tôi đã nằm len vào giữa. Một bên nhà tôi, một bên thẳng con nhỏ mà vẫn thấy rờn rợn. Mỗi luồng gió lọt qua khe cửa, tôi nghe như tiếng hú của con

ma. Tiếng chuột rúc, tiếng dế kêu tôi nghe như tiếng cười khách khách của nó. Chốc chốc tôi lại lay nhà tôi dậy, hỏi vợ hỏi vắn cốt để nhà tôi thức giấc.

Cách vài hôm, vào ngày chủ nhật tới đến chơi ông giáo Giáp và Dần, bạn tôi, cũng có đấy. Tôi đem chuyện ma ra kể.

Ông giáo không tin, cười nói :

- Thôi đi, anh đừng thấy tôi ở vào chỗ hẻo lánh, gần tha ma mà đem ma ra dọa. Tôi chẳng sợ đâu.

Giáp không cười, nói, giọng chân thật : « Có lẽ thật đấy, các anh ạ. Chính tôi cũng gặp ma một lần, mà cũng ở giếng chùa gần cây đa chợ Cầm. Đêm ấy, cách đây độ... nửa tháng, giờ sáng giăng hắc hoi, tuy sáng lơ mờ. Tôi đi đến gần giếng, thì thấy một cái bóng người ngồi xoa tóc trên bờ bên kia. Tôi dừng bước hỏi : ai ? Cái bóng lù lù đứng dậy, lù lù đi đến cái tháp rồi biến mất. Ông giáo cãi lại :

- Chắc đâu là ma hay là người thật.

- Đích thực mà chứ không phải người, vì tôi thấy cái bóng nó mập mờ, ẩn hiện như ma, và người tôi lúc ấy thấy rờn rợn. Mọi lần đi đêm, có bao giờ tôi thấy rợn đâu.

Ông giáo nhìn Dần, nói, coi Dần như đã biểu đồng tình với ông vậy : « Cái đó thì đã dĩ nhiên. Vì mọi lần anh Giáp tôi không có cái gì để mà rùng rợn, có phải không anh Dần ? »

Dần từ nãy vẫn giữ vẻ điềm tĩnh, yên lặng ngồi nghe, bèn cất giọng nói thông thả : « Tôi chưa gặp ma bao giờ vì lẽ không mấy khi đi đêm. Nhưng mà người ta thường nói : hay đi đêm lắm có ngày gặp ma. Câu ấy có lẽ đúng.»

Ông giáo chau mày, ném mẩu thuốc lá hút dở qua cửa sổ : « Lại nhà triết học này nữa. Nhà triết học cũng tin nhảm như hai bác mê tín kia ư ? Thế thì hồng, hồng hét.»

Dần nhếch mép cười, rút một điếu thuốc lá trong bao « ba tốt » để trên bàn, cầm đồ mấy cái xuống mu bàn tay rồi bật diêm hút ba bốn hơi liền. Đoạn anh ung dung đáp lại : « Tin hử thì không dám chắc, nhưng mà phân vân thì có... Các anh đã đọc quyển « Spiritisme » chưa nhỉ. Anh Tín thì chắc đã xem rồi, vì quyển sách ấy chính anh cho tôi mượn... Chưa à ? Vậy các anh cũng nên đọc qua. Trong sách có nhiều đoạn họ viện khoa học ra thuyết đúng lý lắm, có phải không, anh Tín nhỉ. Như đoạn... họ nói : linh hồn một khi đã thoát khỏi xác thịt, vẫn giữ được tính chất riêng của từng cá nhân, chứ không tan vào không trung như lời của phần nhiều nhà

triết học khác. Theo thuyết họ thì linh hồn còn có một chất bọc ngoài gọi là « périsprit » Chất ấy giữ cho linh hồn nguyên tính như khi còn tù hãm trong phần xác vậy. Vì thế mà có linh hồn cao siêu, linh hồn tầm thường, linh hồn hèn kém, linh hồn lương thiện, linh hồn hung ác, linh hồn giáo quyết, nghịch ngợm, đủ hạng như đủ hạng người trên dương gian... Chả biết ý tưởng các anh thế nào, chứ tôi thì tôi cho là phải.»

Ông giáo xem chừng không phục cái thuyết ấy, nhưng vì tò mò muốn nghe, nên ông cũng nói : « Được. Nhà triết học cứ thuyết đi.»

Giáp nghe có vẻ chăm chú lắm. Còn tôi tuy đã đọc qua, cũng muốn nghe lại.

Dần uống vài ngụm nước nhấp giọng. Đoạn, anh nói tiếp : « Linh hồn có khi tan ra như không khí khiến mắt ta không nhìn thấy được. Ấy là theo thuyết của họ chứ không phải thuyết của tôi đâu nhé, vừa nói anh vừa tùm tùm cười. Có khi tụ lại như sương mù, có khi đọng lại thành hình tùy theo ý muốn của linh hồn. Vì thế mà ban đêm, thường trong sáng trắng sông, có người nhìn thấy linh hồn hiện hình tức là ma..

Ông giáo không nhin được, ngắt lời :

- Thuyết ấy vô lý lắm, tôi bất phục. Có lẽ nào đương

vô hình mà lại thành hình, nhất là hình người...

Giáp đương thích nghe, cản lại :

- Thì anh hãy để anh Dân nói nốt đã nào.

Không nể lời bạn, ông giáo còn chém một câu hỏi nữa :

- Thí dụ như con ma ngồi xổm tóc của anh Giáp. Vậy tóc lấy ở đâu ra ? Lại còn có người thấy ma hiện thành con gái cấp thúng. Vậy những thức ấy ở đâu ra hay cũng ở linh hồn là chất vô hình ? Vô lý ! Vô lý !

Dân vẫn điềm tĩnh, bật diêm châm lại điều thuốc hút dở rồi khoan thai đáp : Xem đến đoạn ấy, tôi cũng nghĩ như anh Chử (tên ông giáo), nhưng mà, các anh ạ, Vũ trụ của tạo hóa... Chẳng nói gì vũ trụ, ngay cõi dương gian chúng ta đang sống đây, biết bao nhiêu sự mà ta cho là lạ lùng huyền bí. Song đối với tạo hóa không có sự gì là huyền bí, lạ lùng cả. Chử « surnaturel, » chỉ là lời nói của ta đặt, những cái mà ta thấy khác thường với ta đó thôi : Với tạo hóa nó vẫn là thường « naturel ».

Nghỉ một lát để hút thêm vài khói (Dân vốn nghiện thuốc lá và nghiện nặng.) Đoạn anh nói tiếp :

- Lại còn thuyết này nữa : cái gì có ở thế gian, ở trên quả đất của ta, đều có hết thảy trong không trung. Thí

dụ như nước. Theo phép thí nghiệm, là hai chất dưỡng khí và khinh khí (H_2, O) hợp lại mà thành ra. Hai chất ấy không ở không trung thì ở đâu ? Lấy một nhẽ ấy mà suy thì hết thấy, từ con vi trùng nhỏ nhỏ biến, cho chí các loài các giống, các đồ đạc, các thứ, đều là những chất « éléments » sẵn có trong không của tạo hóa cả. Vậy thì sao linh hồn, nhờ quyền phép của tạo hóa, lại không lấy các chất cần dùng ở đây mà lập thành ra được. Theo lý ấy, linh hồn có thể làm ra cái nhẫn vàng, hạt kim cương, đủ mọi thức tùy theo sở thích của linh hồn... Chắc các anh sẽ bẻ : Sao những thức ấy không thành thật được, nghĩa là không thành những thức mà ta có thể cầm trong tay, giữ lấy mà dùng được. Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng đó lại là bí quyết của tạo hóa. Ta chỉ nên lấy những việc xảy ra « les faits » mà xét đoán. Ma, tức linh hồn hiện hình, đã sảy ra. Anh Chử không gặp. Tôi cũng không gặp. Nhưng mà anh Tín anh Giáp đã gặp, thì tức cũng như chúng ta đã gặp vậy.

Ông giáo vốn có óc thiết thực, vẫn không chịu, cãi lại: « Như thế nào được. Hai anh ấy sẵn có tính nhút nhát. Động đềm đến là sợ ma, lúc nào cũng ngom ngóp gặp ma. Rồi tưởng tượng giúp trí nghĩ, khiến mắt các anh ấy nhìn ra hình người, hình quái vật, khiến tai các anh ấy nghe thấy đủ mọi thứ tiếng, như tiếng hú, tiếng cười khanh khách chẳng hạn. Ừ mà, nói đến tiếng, tôi lại xin hỏi tiếng hú, tiếng cười khanh khách lấy ở đâu

ra hay lại cũng ở không trung ? Hay chính linh hồn kêu, linh hồn cười ? » Nói rồi anh đắc chí cười khanh khách.

Dần rút mẩu thuốc xuống đất, rút điều khác hút, rồi điềm nhiên hỏi lại : « Tiếng máy hát ở đâu ra ? Tất ở cái kim chuyển trên đĩa nhựa. Cái kim, đĩa nhựa đều hợp thành bởi những chất có sẵn trong không. Vậy thì linh hồn có thể lấy ở đây mà ra lập thành tiếng hú, tiếng cười khanh khách. » Nói rồi anh cũng cười trả lại, Đoạn anh tóm tắt : « Tạo hóa huyền bí vô cùng. Ta cũng là một huyền bí của tạo hóa. Tạo hóa tạo ra ta, cho ta biết đến đâu, ta được biết đến đây. Ta không thể lấy triết lý mong manh và kiêu hãnh của ta mà quyết đoán được tạo hóa. »

Cuộc đàm đạo đã thấy lâu. Sau chiếc bình phong, tiếng bát đĩa chạm vào nhau lạch cạch. Bà giáo ra vào, bắn khoăn. Thằng nhỏ nói thì thầm. Tôi biết ý đứng dậy. Dần, Giáp sực nhớ tới bữa ăn của nhà chủ, đứng dậy theo. Ông giáo cũng đứng dậy nói : « Cứ kể cãi lý với anh Dần thì tôi cãi mãi được. Nhưng thuyết ấy, tôi không phục lắm. Nhưng mà, nếu có thể được, anh cho mượn quyển « Spiritisme » của anh Tín. Chắc trong ấy còn có nhiều thuyết nó sẽ làm cho tôi phục lẫn, » Ông giáo vừa cười như chế nhạo.

Giáp xem chừng đã ham mê quyền sách, vội nói : « Anh Chữ xem xong lại chuyển sang cho tôi nhé. Hay là

anh còn bận dạy học, anh để tôi xem trước. »

Ông giáo vui vẻ xua tay : « Không. Không được. Phải để mỗ xem trước. Mỗ nói mượn trước. »

Dần đập vào vai tôi, cười nói : « Được hay không, còn phải hỏi chủ nhân của nó đã chứ Đệ không có quyền ».

Tôi vội đáp : « Được, anh nào muốn mượn thì mượn, tôi xin sẵn lòng. Miễn là anh giáo tôi đừng cáu với nó quá mà vò nát nó ra thôi.» Tôi cười theo và tiếp liền : « Còn quyền « Đồng cốt », anh nào muốn học lên đồng cô, đồng cậu đồng quan lớn, quan liếc thì tôi cho mượn nhân thể. »

Ông giáo vốn lười đọc, hỏi :

- Có dây lăm không, anh ?

Tôi cười :

- Dây chẳng kém quyền « Spiritisme »

- Thế quyền « Spiritisme » ?

- Dây bằng quyền « Đồng cốt ».

Mọi người cười ồ.

Dần nói dọa :

- Bằng hai quyền tự vị của anh kia kia.

Thấy ông giáo chau mày, thở dài, Dân thương hại, nói tiếp :

- Đùa đây. Đây độ gấp rưỡi quyền « Tiêu-sơn tráng sĩ» của anh để trên ngăn tủ ấy.

Ra khỏi cổng trường, chúng tôi bắt tay nhau, rồi mỗi anh một ngả. Tôi vừa đi vừa nghĩ đến những lời của Dân. Cả ngày hôm ấy, tôi thơ thần như một thi sĩ đương tìm vần thơ. Những thuyết trong quyển « thần linh học» lần lượt thức dậy trong trí nhớ. Tôi còn nhớ mang máng một câu : « Nhờ tạo hóa, nhờ cả khoa học mở mang tột bậc, rồi một ngày kia ta sẽ biết rõ đời vô hình của linh hồn trên thế giới vô hình của họ, rõ như một với một là hai vậy. Lúc ấy chỉ có kẻ nào điên hay loạn óc mới dám nói : Không có linh hồn. Người chết đi là hết, là hư vô.»

Không biết bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, trí tôi lẩn quẩn trong quyển « thần linh học » đến nỗi nhãng bỏ cả thực hiện. Trong nhà, ngoài sân, ngoài đường, trên không, chỗ nào cũng nhan nhản những linh hồn.

Tôi sắp thành một người mê tín như các ông đồng, bà cốt thì một buổi chiều, đi thăm đồng về, gần đến đến chợ Cầm, tôi thấy một đám đông, phần nhiều là trẻ con, đứng vây bọc chung quanh gốc đa. Tôi thoáng nghe

thấy tiếng hát lạnh lạnh, rồi những tiếng cười reo của lũ trẻ làm lấp đi.

Tôi lại gần, dẫn lũ trẻ ra. Một người đàn bà còn trẻ, quần áo lấm láp và rách để hở từng mảng da sém nắng. Đầu tóc rối bù, xõa xuống trông không rõ mặt. Hai tay ôm khúc chuối áp vào vú để lửa lò.

Biết là con điên, tôi quay gót giở ra... Bỗng một chuỗi cười khách khách giòn tan, khô xác, rắn chắc... làm tôi rùng mình ghê rợn.

Từ đây, tôi như trút được gánh nặng. Trí tôi và tâm hồn tôi trở lại bình tĩnh. Linh hồn và thế giới vô hình cùng với quyển sách thần linh học cũng dần dần chìm đắm trong bể quên.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỜI NAY

Khái - Hưng

Nửa chừng xuân 2p00 — Tiếng
suối reo *hết* — Giấc đường gió
bụi 0p90 — Tục lỵ *hết* —
Gia đình *hết* — Đợi chờ *hết*
Thừa tự *hết* — Tiêu sơn trắng
sĩ *hết* — Hạnh *hết* — Những ngày
vui *hết* — Đẹp *hết* — Trống mái
hết — Đội mũ lệch *hết* — Thoát
ly *hết* — Đồng bệnh (kịch) 0p80
— Hồn bướm mơ tiên *hết* —
Tội lỗi (*sắp xuất bản*)

Nhất - Linh

Đoạn tuyệt *hết* — Tối tăm *hết* —
Hai buổi chiều vàng *hết* — Đôi
bạn *hết* — Lạnh lùng *hết* — Bướm
trắng *hết* — Nắng thu *hết*

Khái-Hưng và Nhất-Linh

Đời mưa gió *hết* — Gánh hàng
hoa (*sắp tái bản*) — Anh phải
sống *hết*

Thạch - Lam

Gió đầu mùa *hết* — Nắng trong
vườn *hết* — Ngày mới *hết* — Theo
giòng (loại Nắng Mới) *hết* — Sợi
tóc *hết* — Hanoi 36 phố phường
(*sắp in*)

Tú - Mỡ

Giòng nước ngược I — *hết*
Giòng nước ngược II — *hết*

Hoàng - Đạo

Trước vành móng ngựa *hết* —
Mười điều tâm niệm *hết* — Con
Đường sáng *hết* — Tiếng đàn *hết*

Thế - Lữ

Bên đường thiên lôi *hết* — Lê
Phong phóng viên 0p90 —
Mai Hương và Lê Phong *hết* —
Mấy vần thơ *hết* — Vàng và
Máu *hết* — Gói thuốc lá *hết* —
Gió trắng ngàn *hết* — Trai Pô
Tùng Linh 0p70 — Con quỷ truyền
kiếp (tập I) *hết* — (tập II) *hết*

Đỗ - Đức - Thu

Vỡ lòng — *hết*

Trọng - Lang

Hanoi làm than *hết*

Bà Tú Hoa

Bóng mơ 0p65

Nguyễn - Hồng

Bỉ vỏ *hết* — Những ngày thơ ấu
hết

Thanh - Tịnh

Quê mẹ *hết* — Chị và em (*sắp in*)

Trần - Tiêu

Con trâu *hết* — Chồng con *hết* —
Sau lũy tre 1p20

Đoàn - Phú - Tứ

Những bức thư tình *hết* — Mơ
hoa *hết*

Bùi - Hiên

Nằm vạ — 0p65

Hoàng - như - Tiếp

Tứ quốc chí (loại Nắng Mới) *hết*

Cô Anh - Thơ

Kức tranh quê (giải thưởng
khuyến khích về thơ do T. L.
V. Đ. tặng) — 0,80